

Số: 647/BSC-CBTT

No: 647/BSC-CBTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Hanoi, December 26, 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
***EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE***

**Kính gửi/To:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- *State Securities Commission of Vietnam*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch Chứng  
khoán TP HCM/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- *Vietnam Exchange/Ho Chi Minh Stock Exchange/Hanoi Stock  
Exchange*

1. **Tên tổ chức/Name of organization:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*BIDV Securities Joint Stock Company*.

**Mã chứng khoán/Stock code:** BSI

**Địa chỉ/Address:** Tầng 8, Tầng 9 Toà nhà ThaiHoldings, 210 Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội/*Floor 8, 9 ThaiHoldings Building, 210 Tran Quang Khai, Trang Tien, Hoan Kiem, Hanoi*.

**Điện thoại/Tel:** 024.39352722

**Fax:** 024.33816699

**Email:** Ir@bsc.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố bản cáo bạch chứng quyền có bảo đảm với các chứng quyền sau đây:

*BIDV Securities Joint Stock Company discloses the prospectus of covered warrant with the following covered warrants:*

FPT/BSC/C/6M/EU/Cash/2022-01; HPG/BSC/C/6M/EU/Cash/2022-01;

HPG/BSC/C/9M/EU/Cash/2022-02; MBB/BSC/C/6M/EU/Cash/2022-01;

MBB/BSC/C/6M/EU/Cash/2022-02; VPB/BSC/C/9M/EU/Cash/2022-01.



3. Thông tin này đã được công bố trên **trang thông tin điện tử của công ty** vào ngày 26/12/2022 tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/tin-tuc/tin-chi-tiet/981263>

*This information was published on the company's website on 26/12/2022, as in the link: <https://www.bsc.com.vn/tin-tuc/tin-chi-tiet/981263>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Các bản cáo bạch chứng quyền có bảo đảm liên quan/*Relevant the prospectus of covered warrants.*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**  
  
**NGUYỄN DUY VIÊN**



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 08 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

**BẢN SAO**

**BẢN CÁO BẠCH**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

*(Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do UBCKNN cấp; và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp)*

### CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 353/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2022)*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày được UBCKNN chấp thuận tại:

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà ThaiHoldings – số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 39352722 Fax: (+84-24) 33816699

Website: [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 38218886 Fax: (+84-28) 38218510

#### Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Duy Viễn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (+84-24) 22200668

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp)

## CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

|  |   |   |
|--|---|---|
| Tên chứng quyền                                  | : | Chứng quyền VPB/BSC/C/9M/EU/Cash/2022-01  |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở                       | : | VPB   |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở              | : | Ngân hàng Cổ phần Thương mại Việt Nam Thịnh Vượng   |
| Loại chứng quyền                                 | : | Chứng quyền mua   |
| Kiểu thực hiện                                   | : | Thực hiện kiểu Châu Âu  |
| Phương thức thực hiện chứng quyền                | : | Thực hiện bằng tiền   |
| Thời hạn   | : | 9 tháng   |
| Ngày đáo hạn                                     | : | Dự kiến trong tháng 08/2023   |
| Tỷ lệ chuyển đổi                                 | : | 4:1 (4 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở)   |
| Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số) | : | Không có  |
| Giá thực hiện                                    | : | Thấp hơn 10% đến cao hơn 15% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán               | : | 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán  |
| Giá chào bán                                     | : | 1.000 VND – 4.000 VND   |
| Tổng số lượng chào bán                           | : | 2.000.000 chứng quyền   |
| Tổng giá trị chào bán                            | : | 2.000.000.000 – 8.000.000.000 VND   |

### TỜ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Không có

### TỜ CHỨC KIỂM TOÁN

### CÔNG TY TNHH PwC VIỆT NAM

Trụ sở chính : Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

rh

Điện thoại : (+84 28) 3823 0796

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Không có

## MỤC LỤC

|      |   |    |
|------|---|----|
| I.   | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....  | 8  |
| 1.   | Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền .....  | 8  |
| 2.   | Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền .....   | 9  |
| 3.   | Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở .....  | 10 |
| 4.   | Rủi ro khác .....   | 11 |
| II.  | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN<br>CÁO BẠCH .....   | 12 |
| 1.   | Tổ chức phát hành .....   | 12 |
| 2.   | Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn .....  | 12 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM .....   | 12 |
| 1.   | Các khái niệm .....   | 12 |
| 2.   | Từ viết tắt .....   | 13 |
| IV.  | CƠ HỘI ĐẦU TƯ .....   | 16 |
| 1.   | Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam .....   | 16 |
| 2.   | Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư .....  | 18 |
| V.   | THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM. 21   |    |
| 1.   | Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm .....   | 21 |
| 1.1. | Lịch sử hình thành và phát triển .....  | 21 |
| 1.2. | Cơ cấu tổ chức của Công ty .....  | 25 |
| 1.3. | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....   | 27 |
| 1.4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có<br>liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ .....   | 33 |
| 1.5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà<br>tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công<br>ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành ..... | 33 |
| 1.6. | Thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành .....  | 45 |
| 1.7. | Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền:<br>kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực .....   | 54 |
| 2.   | Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành .....  | 63 |
| 2.1. | Các hoạt động kinh doanh chính tại BSC .....  | 63 |

|              |   |           |
|--------------|---|-----------|
| 2.2.         | Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại .....           | 69        |
| 2.3.         | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và quý I năm 2021 .....                     | 69        |
| 2.4.         | Các chứng quyền mà công ty đã phát hành .....   | 69        |
| 3.           | Tình hình tài chính.....  | 69        |
| 3.1.         | Thanh toán các khoản nợ đến hạn .....   | 71        |
| 3.2.         | Các khoản phải nộp theo luật định .....   | 71        |
| 3.3.         | Tổng dư nợ vay .....  | 72        |
| 3.4.         | Tình hình công nợ hiện nay .....  | 72        |
| 3.5.         | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....  | 73        |
| <b>VI.</b>   | <b>CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....</b>   | <b>75</b> |
| 1.           | Thông tin chung về chứng quyền .....  | 75        |
| 2.           | Thông tin về chứng khoán cơ sở .....  | 76        |
| 3.           | Thời gian phân phối chứng quyền.....  | 78        |
| 4.           | Đăng ký mua chứng quyền .....   | 78        |
| 5.           | Thực hiện chứng quyền .....   | 79        |
| 6.           | Quyền của người sở hữu chứng quyền .....  | 80        |
| 7.           | Điều chỉnh chứng quyền .....  | 80        |
| 8.           | Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền ..... | 81        |
| 9.           | Hoạt động tạo lập thị trường .....  | 82        |
| <b>VII.</b>  | <b>QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM .....</b>   | <b>83</b> |
| 1.           | Quy trình quản trị rủi ro .....   | 83        |
| 2.           | Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến .....   | 84        |
| 2.1.         | Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền .....                                       | 84        |
| 2.2.         | Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền .....   | 84        |
| 3.           | Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành .....   | 86        |
| <b>VIII.</b> | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>  | <b>88</b> |
| 1.           | Tổ chức kiểm toán .....   | 88        |
| 2.           | Ngân hàng lưu ký .....  | 88        |
| <b>IX.</b>   | <b>XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....</b>  | <b>88</b> |





## DANH MỤC BẢNG BIỂU

|  |    |
|--|----|
| Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan..... | 33 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu.....  | 33 |
| Bảng 3: Một số chỉ tiêu chính của BIDV .....   | 45 |
| Bảng 4: Danh sách các thành viên HĐQT .....  | 45 |
| Bảng 5: Danh sách các thành viên QTRR.....   | 54 |
| Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh BSC.....  | 69 |
| Bảng 7: Dư nợ ngắn hạn.....  | 71 |
| Bảng 8: Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước .....  | 71 |
| Bảng 9: Dư nợ ngắn và dài hạn .....  | 72 |
| Bảng 10: Các khoản phải thu.....   | 72 |
| Bảng 11: Các khoản phải trả.....   | 73 |
| Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của BSC .....  | 73 |
| Bảng 13: Thông tin tài chính cơ bản về chứng khoán cơ sở .....   | 77 |
| Bảng 14: Chỉ số tài chính của chứng khoán cơ sở.....   | 77 |

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Chúng tôi không bảo đảm về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có bảo đảm như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

### 1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

**Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành:** tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có bảo đảm trên thị trường, qua đó tác động trực tiếp đến giá chứng quyền... Ngoài ra, tổ chức phát hành còn có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

**Rủi ro thanh toán:** Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền có bảo đảm, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

**Rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết liên quan tới vấn đề thanh khoản hoặc giải thể:** Trong trường hợp tổ chức phát hành giải thể, phá sản, hoặc tổ chức phát hành không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng quyền có bảo đảm sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy trước ngày đáo hạn.

ph

**Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành:** Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền có bảo đảm mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan tới giao dịch hoặc thực hiện quyền của chứng quyền có bảo đảm. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể bảo đảm được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền có bảo đảm.

**Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi:** tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành không có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan tới mọi hoạt động giao dịch, tư vấn, thực hiện quyền, mâu thuẫn quyền lợi. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền có bảo đảm khác có khả năng ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm đã phát hành

## 2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

**Rủi ro đầu tư chung:** người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có bảo đảm và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có bảo đảm có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

**Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm:** do chứng quyền có bảo đảm có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có bảo đảm có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có bảo đảm sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có bảo đảm. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm.

**Rủi ro về giá:** rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm. Sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ

sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của chứng quyền có bảo đảm còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có bảo đảm. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có bảo đảm theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có bảo đảm thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm.

**Rủi ro từ tính đòn bẩy:** đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

**Rủi ro thanh khoản:** là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có bảo đảm ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có bảo đảm đó. Thanh khoản của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có bảo đảm sẽ sôi động.

**Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu:** chứng quyền có bảo đảm kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của chứng quyền có bảo đảm có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có bảo đảm không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

### 3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm và không giới hạn việc phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự

th

kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

#### **4. Rủi ro khác**

**Rủi ro về thuế:** Các nhà đầu tư mua chứng quyền chịu rủi ro trả thuế cao hơn khi thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Trường hợp bán chứng quyền trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, do chứng quyền được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá trị chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân với thuế suất 0,1%.

Trường hợp tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền, thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân với số lượng chứng quyền chia cho tỷ lệ chuyển đổi.

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở thường cao hơn rất nhiều so với giá chứng quyền nên các nhà đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn chịu rủi ro trả thuế thu nhập cao hơn so với việc bán chứng quyền trước ngày đáo hạn.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

|                     |   |                                     |
|---------------------|---|-------------------------------------|
| Ông Ngô Văn Dũng    | : | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Nguyễn Duy Viễn | : | Chức vụ: Tổng Giám đốc              |
| Bà Trần Ngọc Diệp   | : | Chức vụ: Kế toán trưởng             |
| Bà Phạm Thanh Thủy  | : | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát       |

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để bảo đảm đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

### 2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có

## III. CÁC KHÁI NIỆM

### 1. Các khái niệm

**Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

**Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

**Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

**Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.

**Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

**Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

**Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

**Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền mua có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

**Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

**Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

**Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

**Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.

**Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.

**Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.

**Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.

**Vị thế mở** chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

**Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$Delta = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

**Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

## 2. Từ viết tắt

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Tổ chức phát hành/BSC/<br>Công ty | Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
|-----------------------------------|---|

|              |  |
|--------------|--|
| BCTC         | Báo cáo tài chính  |
| BIDV         | Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| BVPS         | Giá trị sổ sách một cổ phần                                |
| CMND         | Chứng minh nhân dân  |
| CNTT         | Công nghệ thông tin  |
| CW           | Chứng quyền có bảo đảm                                     |
| DHĐCĐ        | Đại hội đồng cổ đông                                       |
| EU           | Liên minh châu Âu  |
| EPS          | Thu nhập trên một cổ phần                                  |
| GCNĐKKD/CMND | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng minh nhân dân     |
| GDP          | Tổng sản phẩm quốc nội                                     |
| GTGDBQ       | Giá trị giao dịch bình quân                                |
| HNX          | Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội                            |
| HSX          | Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh             |
| IPO          | Phát hành lần đầu ra công chúng                            |
| LNST         | Lợi nhuận sau thuế   |
| NHNN         | Ngân hàng nhà nước   |
| NSNN         | Ngân sách nhà nước   |
| QTRR         | Quản trị rủi ro  |
| TNHH         | Trách nhiệm hữu hạn  |
| UBCKNN       | Ủy ban chứng khoán nhà nước                                |
| UBND         | Ủy ban nhân dân  |
| VCSH         | Vốn chủ sở hữu   |



|       |                          |
|-------|--------------------------|
| XNK   | Xuất nhập khẩu           |
| SGDCK | Sở giao dịch chứng khoán |



#### IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

##### 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

- Tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2022 khởi sắc rõ rệt so với năm 2021. Đặc biệt, tính riêng quý 3, GDP tăng mạnh 13.67% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do mức nền thấp của quý 3/2021, thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trở lại, ảnh hưởng đến hàng loạt các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. PMI tháng 9 đạt 52.5 điểm, tiếp tục cho thấy xu hướng mở rộng dù thấp hơn mức 52.7 điểm trong tháng 8. Số lượng đơn đặt hàng vẫn tăng, kéo theo sản lượng và việc làm đều tăng. Áp lực chi phí cho doanh nghiệp có xu hướng giảm bớt. Trung bình 9 tháng, chỉ số PMI ở mức 52.9 điểm, cao hơn mức trung bình cả năm 2021 là 49.2 điểm.

Bối cảnh vĩ mô thế giới hiện tại cho thấy tăng trưởng nhiều khả năng sẽ chậm lại trong năm 2023 do 3 yếu tố sau: (1) Xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ toàn cầu sẽ tác động trực tiếp vào nhu cầu tiêu dùng của người dân và từ đó làm chậm lại tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. (2) Tình trạng bế tắc chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hóa toàn cầu vẫn chưa được giải quyết bởi chiến tranh Nga – Ukraine và chính sách Zero COVID tại Trung Quốc. (3) Khả năng suy thoái tại châu Âu và Hoa Kỳ ngày một gia tăng. Trong bối cảnh giảm tốc tăng trưởng toàn cầu như vậy, nền kinh tế Việt Nam, với vị thế là một kinh tế xuất khẩu, sẽ chịu ảnh hưởng nhất định.

BSC đưa ra dự báo một số chỉ tiêu vĩ mô 2022-2023 như sau:

**Bảng 1: Dự báo 1 số chỉ tiêu vĩ mô 2022-2023**

| Chỉ tiêu                   | 2021  | 2022 dự báo | 2023 dự báo |
|----------------------------|-------|-------------|-------------|
| GDP (yoy)                  | 2.58% | 7.9%-8.5%   | 6.2- 6.7%   |
| Lạm phát (yoy)             | 1.84% | 3.4%-4.8%   | 3.0% – 4.2% |
| Xuất khẩu                  |       | 13.1%-18%   | 9.6%-10.6%  |
| Nhập khẩu                  |       | 12.6%-17.3% | 10.5%-11.6% |
| Tỷ giá USD/VND             |       | 24,000      | 23,800      |
| Tăng trưởng tín dụng (yoy) | 13.6% | 11-14%      | 12-14%      |
| Lãi suất tiền gửi 12 tháng |       | 6.6-7.5%    | 7-8%        |

- Về GDP, BSC dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 sẽ giảm tốc so với năm 2022, cơ bản do kinh tế toàn cầu tiến vào giai đoạn giảm. Tăng trưởng XNK sẽ suy yếu, lãi suất nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng lên theo xu hướng chung thế giới. Hai yếu tố này sẽ khiến cho cả hai mũi nhọn của nền kinh tế là cầu phần tiêu dùng và công nghiệp chế biến chế tạo đều suy giảm. Trụ đỡ chính của tăng trưởng kinh tế trong năm 2023 sẽ đến từ việc giải ngân gói kích thích kinh tế: (1) Dự án cao tốc Bắc- Nam giai đoạn 2 ước tính 72 nghìn tỷ đồng. (2) Gói hỗ trợ lãi suất 2% với giá trị 40 nghìn tỷ đồng. Các yếu tố trên sẽ giúp GDP Việt Nam nằm trong khoảng từ 6.2%-6.7% trong 2023 (gói kích thích kinh tế đóng góp từ 0.8-1.0%).

- Về lạm phát, bình quân 9 tháng, lạm phát tăng 2.73% so với cùng kỳ. Chỉ số CPI cuối năm dự kiến sẽ đạt mức 3.4-4.8% do: (1) Giá dầu ước tính giao động trong vùng 80-100USD/thùng. Trong điều kiện tăng trưởng thế giới toàn cầu giảm tốc, OPEC+ sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng để giữ giá; (2) Giá lợn dự kiến sẽ nằm trong ngưỡng 60,000-80,000 VND/kg cho năm 2023 khi nhu chu kỳ tăng giá quay trở lại; (3) Giá điện, giá dịch vụ y tế có thể tăng trở lại sau giai đoạn đi ngang 2 năm. Trong kịch bản tiêu cực, giá điện dự kiến tăng 8% và giá dịch vụ y tế tăng 15% (mức trung bình đợt nâng giá 5 năm gần nhất). Nếu giá điện và giá dịch vụ y tế giữ nguyên, thì sẽ tương đương với kịch bản tích cực; (4) Yếu tố gây biến động cho CPI vào năm 2023 sẽ phụ thuộc khá nhiều vào tốc độ nâng lãi suất của SBV. Nguyên nhân của hiện tượng này chủ yếu do áp lực lạm phát trong năm 2022 đến từ yếu tố giá cả dịch vụ tăng mạnh sau hai năm COVID-19. Tốc độ nâng lãi suất của SBV có thể trực tiếp ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng và từ đó, làm chậm lại tốc độ tăng của lạm phát.
- Về thương mại, 9T2022, Việt Nam xuất siêu 6.52 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu lần lượt là 17.3% và 13% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tính riêng trong tháng 9, kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu lần lượt giảm 14.3% và 7.3% so với tháng trước. Điều này cho thấy xuất nhập khẩu đang chững lại khi xu hướng tiêu dùng của người dân Hoa Kỳ giảm trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh. Dự báo đến cuối năm 2022, xuất khẩu tăng trưởng 13.1%, nhập khẩu tăng trưởng 12.6% trong kịch bản tiêu cực (suy thoái xảy ra năm 2022) và xuất khẩu tăng trưởng 18%, nhập khẩu tăng trưởng 17.3% trong kịch bản tích cực (suy thoái xảy ra năm 2023). Sang năm 2023, tổng kim ngạch XNK sẽ giảm tốc so với giai đoạn hai năm trước do nền kinh tế Hoa Kỳ suy thoái trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đang chậm lại. BSC ước tính xuất khẩu sẽ tăng trưởng 9.6-10.6% trong năm 2023, nhập khẩu sẽ tăng trưởng 10.5-11.6% và cán cân thương mại ước tính xuất siêu 2.3-4.6 tỷ USD. Tình trạng xuất siêu dự kiến vẫn sẽ tiếp tục nhờ: (1) Căng thẳng thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc chưa ngã ngũ. (2) Việt Nam nằm ngoài danh sách thao túng tiền tệ của Hoa Kỳ.
- Về tỷ giá, phản ứng với động thái quyết liệt nâng lãi suất của FED để kiềm chế lạm phát, giá đồng USD liên tục tăng mạnh trong năm nay. Tính từ cuối quý 3/2021 đến cuối quý 3/2022, giá trị đồng VND đã mất giá gần 5% so với đồng USD. Những yếu tố thúc đẩy giá trị đồng USD: (1) FED tiếp tục nâng lãi suất; (2) Khả năng suy thoái toàn cầu tăng cao làm đẩy nhanh dòng tiền trú ẩn vào đồng USD. BSC dự báo tỷ giá USD/VND sẽ là 24,000 tính tới cuối năm 2022 và 23,800 trong năm 2023.
- Về tín dụng, tính đến hết tháng 9/2022, tăng trưởng tín dụng đạt 10.96%, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm 2021 là 7.88%. Dự kiến nhu cầu tín dụng sẽ còn tăng cao trong những tháng cuối năm, nhưng SBV vẫn kiên định mới mức mục tiêu tăng trưởng 14%. Trong khi tăng trưởng tín dụng đã đạt 10.96%, tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán đến tháng 9 chỉ tăng 2.49% YTD, thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng cùng thời điểm năm 2021 (+4.95%). Tốc độ huy động vốn của các TCTD chỉ tăng 4.04%, nghĩa là tăng

trường tín dụng gấp khoảng 2.6 lần tốc độ tăng trưởng huy động vốn. Trước đó, tổng phương tiện thanh toán tại thời điểm 20/6/2022 tăng 3.3% so với cuối năm 2021, cho thấy tổng phương tiện thanh toán đã thu hẹp trong quý 3. NHNN đang có xu hướng điều tiết thanh khoản trên hệ thống ngân hàng duy trì ở mức vừa đủ qua hoạt động thị trường mở, không còn quá dồi dào như giai đoạn năm 2020-2021 nhằm giảm thiểu áp lực lên tỷ giá trong bối cảnh đồng USD mạnh lên sau các động thái tăng lãi suất của FED. Dự báo tăng trưởng tín dụng đến cuối năm 2022 và năm 2023 lần lượt là 11-14% và 12-14%

- Lãi suất tiền gửi trung bình 12 tháng của 4 NHTM sẽ được nâng lên 7-8% vào cuối năm 2023. Hiện tại, lãi suất này đang ở mức 6.4%. Điều này phù hợp với làn sóng thắt chặt lại chính sách tiền tệ khi các nền kinh tế trên thế giới và áp lực tăng mạnh từ tỷ giá.

## 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

### *TTCK bước vào giai đoạn thị trường giá giảm*

Kết thúc năm 2021 với đà tăng điểm ấn tượng, thị trường chứng khoán trải qua 09 tháng năm 2022 với nhiều diễn biến khó lường với 3 giai đoạn khác nhau theo từng Quý.

(1) Khởi đầu năm 2022 kéo dài đến hết Quý 1, VN-Index tiếp đà quán tính tăng từ giai đoạn thăng hoa trước đó tuy nhiên nhịp tăng điểm diễn ra trong biên độ hẹp và xu hướng đi ngang chiếm ưu thế, chỉ số vận động trong vùng 1,430-1,520 điểm, đã có thời điểm VN-Index vượt ngưỡng 1,530 điểm – mốc lịch sử của TTCK Việt Nam.

(2) Bước sang Quý 2, thị trường chứng kiến những phiên rung lắc, giảm điểm mạnh khi tâm lý chốt lời đóng vai trò chủ đạo kết hợp cùng tình trạng call-margin, force-sell bắt đầu diễn ra trên thị trường khiến VN-Index mất 318.84 điểm (tương đương giảm -21.03%) trong Quý 2. Mặt khác, căng thẳng địa chính trị giữa Nga-Ukraine xảy ra vào ngày 24/02/2022 đã khiến giá cả hàng hóa tăng mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều mặt hàng, chỉ số CPI nhiều nước ghi nhận con số tăng kỷ lục trong nhiều năm trở lại. Điều này buộc các Ngân hàng Trung Ương (NHTW) lớn bắt đầu bước vào “cuộc đua nâng lãi suất” nhằm mục tiêu bình ổn lạm phát – kinh tế thế giới bắt đầu bước vào giai đoạn mới với nhiều diễn biến khó lường.

(3) Quý 3 chứng kiến hai gam màu khác nhau khi giai đoạn phục hồi tích cực bắt đầu từ giữa tháng 07 và kéo dài cho đến hết tháng 08 - VN-Index lấy lại 139.27 điểm (tương đương mức tăng +12.11% kể từ vùng đáy) trước khi quay trở lại xu hướng giảm điểm trong tháng 09. Nỗi lo về khả năng suy thoái kinh tế trên thế giới và hành động tăng lãi suất mạnh mẽ của FED trong việc ưu tiên chống lạm phát đã khiến VN-Index quay trở lại xu hướng giảm, đồng thời thiết lập vùng đáy mới trong năm 2022. Tính đến 30/09/2022, VN-Index đóng cửa ở mức 1,132.11 điểm – giảm 24.44% so với thời điểm 31/12/2021, HNX-Index đóng cửa ở mức 250.25 điểm – giảm 47.2% so với thời điểm 31/12/2021.

Bước vào giai đoạn đầu Quý 4/2022, TTCK tiếp tục chứng kiến những pha giảm điểm sâu khi xuất hiện nhiều diễn biến, thông tin tiêu cực điều này tác ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý nhà đầu tư, VN-Index được dự báo sẽ gặp không ít thách thức để quay lại các vùng giá cao đã xác lập trước đó.

#### ***Diễn biến thanh khoản, vốn hóa thị trường***

Những phiên rung lắc mạnh và giảm điểm sâu khiến vốn hóa toàn thị trường sụt giảm so với năm 2021, thanh khoản giảm dần khi tâm lý tiêu cực, thận trọng chiếm vai trò chủ đạo trên thị trường. Cụ thể, kết thúc Quý 3/2022 quy mô vốn hóa trên cả 3 sàn đạt **5.89 triệu tỷ đồng - giảm 23.68%** so với thời điểm 31/12/2021, đồng thời GTGD khớp lệnh bình quân 3 sàn trong 9T2022 đạt 21,955 tỷ đồng/phiên (giảm -16.55% so với bình quân cả năm 2021). Thanh khoản có dấu hiệu suy giảm qua từng Quý, đặc biệt trong Quý 3 sàn Hose chứng kiến phiên giao dịch có thanh khoản khớp lệnh dưới mốc 10 nghìn tỷ đồng. Tại ngày 30/09/2022, P/E VN-Index đạt 12.2 lần (đứng thứ 7 châu Á) – thấp hơn mức P/E bình quân 5 năm (16.19 lần), so với 31/12/2021 đã giảm 29.59 lần.

#### ***Diễn biến dòng tiền khối ngoại và ETF***

Đà bán ròng mạnh mẽ trong Quý 1 và Quý 3 đã lấn át Quý 2 mua ròng tích cực trước đó của khối ngoại. Kết thúc 09 tháng năm 2022, khối ngoại chính thức quay trở lại trạng thái bán ròng gần 200 tỷ đồng. Ở góc độ dòng vốn trong các quỹ ETF chứng kiến đà rút ròng gần 30 triệu USD trong Quý 3 sau khi 2 Quý trước đó tăng ròng quy mô – tuy nhiên xu hướng tăng ròng vẫn chiếm ưu thế chủ đạo. Diễn biến khối ngoại trong tháng 09 và Quý 3 cho thấy sự thận trọng của NĐTNN trước diễn biến phức tạp trên thế giới. Xu hướng bán ròng có thể sẽ tiếp diễn trong Q4.2022 khi FED, ECB và nhiều NHTW lớn khác tiếp tục lộ trình nâng lãi suất với mục tiêu ưu tiên chống lạm phát. Điều này được thể hiện rõ nét trong giai đoạn đầu tháng 10 khi khối ngoại bán ròng với giá trị lớn tuy nhiên khi thị trường giảm điểm sâu và ở mức chiết khấu hấp dẫn đã thu hút dòng tiền nhập cuộc trở lại.

#### ***Bối cảnh thế giới và kịch bản 2023***

**Bối cảnh vĩ mô thế giới hiện tại cho thấy tăng trưởng nhiều khả năng sẽ chậm lại trong năm 2023 do 3 yếu tố sau:** (1) Xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ toàn cầu sẽ tác động trực tiếp vào nhu cầu tiêu dùng của người dân và từ đó làm chậm lại tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. (2) Tình trạng bế tắc chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hóa toàn cầu vẫn chưa được giải quyết bởi chiến tranh Nga – Ukraine và chính sách Zero COVID tại Trung Quốc. (3) Khả năng suy thoái tại châu Âu và Hoa Kỳ ngày một gia tăng.

Việt Nam là quốc gia có độ mở nền kinh tế lớn do đó sẽ chịu ảnh hưởng nhất định khi suy thoái kinh tế xảy ra cũng như những bất ổn từ các sự kiện địa chính trị trên thế giới, điều này

sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp cũng như các chỉ tiêu vĩ mô quan trọng.

Trên cơ sở đó, với quan điểm thận trọng BSC đưa ra 02 kịch bản cho Quý 4/2022 và 03 kịch bản cho TTCK 2023, cụ thể như sau:

**a) Kịch bản cho Quý 4/2022**

Với tâm lý tiêu cực, thận trọng về nguy cơ suy thoái kinh tế có thể xảy ra tại Mỹ, châu Âu cũng như triển vọng tăng trưởng không mấy lạc quan trong năm 2023, TTCK các nước trên thế giới có thể sẽ tiếp tục trong xu hướng giảm điểm. VN-Index được dự báo sẽ có 2 kịch bản trong 3 tháng cuối năm, cụ thể như sau:

**Kịch bản tiêu cực (có xác suất xảy ra cao hơn):**

Dự kiến VN-Index sẽ quay về vùng 1,000-1,100 điểm với các cơ sở (có một số điều chỉnh): NHNN có khả năng sẽ tiếp tục thắt chặt CSTT, tốc độ giải ngân đầu tư công cũng như Gói phục hồi kinh tế không được như kỳ vọng, thanh khoản 3 sản duy trì ở mức 14-15 nghìn tỷ/phiên (tương đương mức trung bình trong Q3/2022 – khi thị trường chứng kiến sự sụt giảm mạnh), điểm sáng tích cực vĩ mô là lạm phát được duy trì dưới mức mục tiêu 4% và GDP chứng kiến tăng trưởng tốt (trên 7%) trong 2022.

**Đối với kịch bản tích cực (xác suất xảy ra thấp hơn):**

VN-Index có thể quay trở lại vùng 1,250-1,300 điểm khi nền nội lực nền kinh tế tiếp tục cho thấy tín hiệu khởi sắc, các thông tin tiêu cực và động thái tăng lãi suất đã được phản ánh vào diễn biến tiêu cực trước đó, tâm lý tích cực quay trở lại và khối ngoại thu hẹp đà rút vòng vốn.

**b) Kịch bản cho năm 2023**

(1) Về điểm số VN-Index: Kịch bản 1 (trên 1,400 điểm) với giả định EPS tăng trưởng 15% và P/E ở mức 13.1 lần; Kịch bản 2 (1,170 điểm) với giả định EPS tăng trưởng 10% và P/E ở mức 11.5 lần; Kịch bản 3 (dưới 970 điểm) với giả định EPS tăng trưởng âm 5% và P/E ở mức 11 lần.

(2) Về thanh khoản thị trường: Kịch bản 1, 2, 3 có giá trị giao dịch giảm lần lượt 9%, 22% và 31% chủ yếu do dòng tiền suy yếu sau khi đạt đỉnh 2022 và môi trường lãi suất cao (chưa tính việc đưa hệ thống mới và các sản phẩm vào sử dụng do chưa có kế hoạch cụ thể). Thanh khoản suy giảm nhưng tài khoản mở mới vẫn duy trì mức tăng tốt dự báo lần lượt 26%, 20% và 15% nhờ NĐT mở tài khoản dễ dàng và được mở nhiều TK tại các CTCK khác nhau.

***Nhóm cổ phiếu đáng lưu ý***

Căng thẳng địa chính trị giữa các quốc gia trên thế giới ngày một diễn biến phức tạp và khó lường, mặt khác tần suất tăng lãi suất và thực thi thắt chặt chính sách tiền tệ của nhiều NHTW lớn trên thế giới và khu vực chưa có dấu hiệu dừng lại. Sau 11 năm giữ nguyên mức lãi suất, NHNN đã chính thức nâng lãi suất điều hành và trần lãi suất tiền gửi dưới 06 tháng thêm 1% - có hiệu lực kể từ ngày 23/09/2022, bên cạnh đó ngày 17/10/2022, NHNN cũng đã quyết định điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức  $\pm 3\%$  lên mức  $\pm 5\%$  điều này cho thấy áp lực ổn định tỷ giá cũng như lạm phát trong giai đoạn sắp tới sẽ gặp nhiều thách thức, khó khăn. Trong bối cảnh hiện tại BSC khuyến nghị một số nhóm ngành, chủ đề đầu tư đáng lưu ý trong năm 2023, bao gồm: (1) nhóm có giá đã điều chỉnh đủ hấp dẫn, (2) nhóm vay nợ ít và (3) nhóm có tỷ lệ nắm giữ tiền mặt cao.

### **Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm**

Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, Chứng quyền có bảo đảm đã và đang phát triển rất mạnh ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. CW có ưu điểm nổi bật là niêm yết và giao dịch giống hệt với cổ phiếu thông thường tuy nhiên CW lại có các đặc tính như sản phẩm phái sinh về đòn bẩy tài chính, lợi nhuận không hạn chế trong khi lỗ tối đa cố định, phí giao dịch thấp nên khá gần gũi và thu hút đông đảo nhà đầu tư.

Chứng quyền là sản phẩm phái sinh mang tính đòn bẩy cao nhưng lại rất an toàn với nhà đầu tư vì giá của một CW rẻ và lãi lý thuyết của CW là vô hạn. Cùng với đó, các nhà phát hành là những công ty chứng khoán có đánh giá tín dụng tốt nhất Việt Nam, bảo đảm những yêu cầu nghiêm ngặt về vốn và quản trị rủi ro để có thể thanh toán cho nhà đầu tư trong mọi trường hợp. Sản phẩm này mang đến lợi ích cho cả nhà đầu tư và nhà phát hành khi nhà đầu tư có cơ hội đầu tư qua kênh mới với giá thành thấp, không bị tính nợ và mang lại thêm nhiều chiến lược hơn cho nhà đầu tư. Trong khi đó, Nhà phát hành là các công ty chứng khoán có thể sử dụng phí thu được vào những cổ phiếu cơ bản tốt nhất và có tính hấp dẫn cao trên thị trường giúp thúc đẩy thị trường tài chính Việt Nam nhanh hơn và bền vững hơn.

## **V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

### **1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm**

#### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

|                 |  |
|-----------------|--|
| <p>Năm 1999</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán</li> </ul> |
|-----------------|--|

|          |   |
|----------|---|
|          | Việt Nam.   |
| Năm 2005 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Được Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).</li> </ul>  |
| Năm 2009 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 1 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.</li> </ul>   |
| Năm 2010 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần.</li> <li>▪ Nhận giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.</li> </ul> |
| Năm 2011 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới. Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.</li> <li>▪ Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.</li> </ul>  |
| Năm 2013 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai SGDCK (giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả HNX và HSX). Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu, Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu HNX.</li> </ul>  |
| Năm 2014 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường đặc biệt là tư vấn IPO cho Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam –Vietnam Airlines; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex.</li> <li>▪ Nhận bằng khen của Bộ Tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013.</li> <li>▪ Nhận giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha</li> </ul>  |



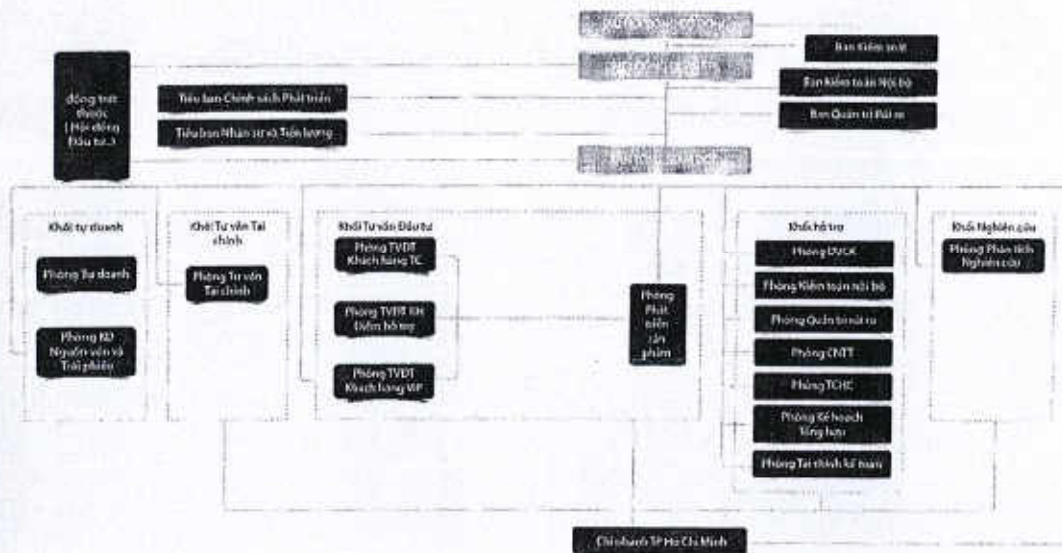
|          |  |
|----------|--|
|          | <p>South East Asia bình chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP3 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2014 và TOP5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đầu giá cổ phần lớn nhất năm 2014.</li> <li>▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương TOP5 thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu chính phủ năm 2014.</li> </ul>  |
| Năm 2015 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.</li> <li>▪ Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.</li> <li>▪ Nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương.</li> <li>▪ Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.</li> <li>▪ Thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu chính phủ 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương.</li> <li>▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh năm trong TOP5 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2015, TOP10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất năm 2015 và là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình (IPO Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – ACV).</li> </ul> |
| Năm 2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Được tạp chí CFI – một tạp chí uy tín về tài chính của Anh - bình chọn là Công ty môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2016.</li> <li>▪ Được Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.</li> </ul>   |
| Năm 2017 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhận giải thưởng “Best Investment Management 2017” do tạp chí World Finance bình chọn.</li> <li>▪ Được HNX trao kỷ niệm chương “Công ty chứng khoán tiêu biểu năm</li> </ul>  |

|          |   |
|----------|---|
|          | <p>2017” và “Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Được VSD tuyên dương là “Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đầu tiên”.</li> </ul>   |
| Năm 2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhận giải thưởng “Nhà cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản tốt nhất Việt Nam năm 2018” do tạp chí World Finance tổ chức.</li> <li>▪ Nhận giải thưởng “Best Securities Broker Vietnam 2018” do tạp chí CFI bình chọn.</li> <li>▪ Top 3 hạng mục Best Overall Country Research, Top 1 hạng mục Best analyst for Automobiles &amp; Components tại giải bình chọn Asia Money Broker Poll 2018 do tạp chí AsiaMoney/EuroMoney, dựa trên khảo sát các khách hàng tổ chức trên toàn cầu.</li> </ul>   |
| Năm 2019 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhận giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2019” do tạp chí Ngân hàng Tài chính Toàn cầu (Global Finance and Banking) tại London – Anh quốc bình chọn</li> <li>▪ Là một trong số những công ty đầu tiên phát hành chứng quyền có bảo đảm từ Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước</li> </ul>   |
| Năm 2020 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Hà Nội vinh danh Top 1 Thành viên thị phần môi giới giao dịch trái phiếu chính phủ lớn nhất năm 2020.</li> <li>▪ BSC nhận giải “Công ty chứng khoán có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu” tại sự kiện Dẫn đầu Dịch vụ Tài chính Việt Nam.</li> <li>▪ BSC nhận giải “Công ty chứng khoán có dịch vụ Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2020” do tạp chí Global Banking and Finance trao tặng.</li> </ul>  |
| Năm 2021 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Năm 2021 giải “Công ty chứng khoán vinh danh Top 1 Thành viên thị phần môi giới giao dịch trái phiếu chính phủ lớn nhất năm 2021.</li> <li>▪ Năm 2021 giải Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt nam năm 2021” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.</li> <li>▪ Nhận 6 giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng với thứ hạng đứng Top 2, bao gồm giải “Công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới tốt nhất”, “Công ty chứng khoán có dịch vụ phân tích, nghiên cứu tốt nhất”, “Công ty chứng khoán có dịch vụ bán hàng tốt nhất”; “Công ty chứng khoán có</li> </ul> |

|          |   |
|----------|---|
|          | hoạt động giao dịch tốt nhất”; “Công ty chứng khoán tiếp cận doanh nghiệp tốt nhất” và “Chuyên gia phân tích xuất sắc nhất ngành Xây dựng – Kỹ thuật”.                    |
| Năm 2022 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Năm 2022 giải “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2022” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.</li> </ul> |

## 1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Biểu đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong Công ty như sau:

- **Phòng tư vấn tài chính:** Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết chứng khoán, tư vấn thu xếp nguồn vốn, tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A).
- **Khối phòng Tư vấn đầu tư:** Gồm các Phòng: Tư vấn đầu tư Khách hàng tổ chức, Tư vấn đầu tư Điểm hỗ trợ, Tư vấn đầu tư Khách hàng VIP và Trung tâm I-Center. Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ của Công ty và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư.
- **Phòng Phát triển sản phẩm:** Xây dựng chính sách khách hàng cho nghiệp vụ môi giới, xây dựng, đề xuất nâng cấp, cải tiến sản phẩm môi giới, quản lý dữ liệu các sản phẩm môi giới của Công ty.

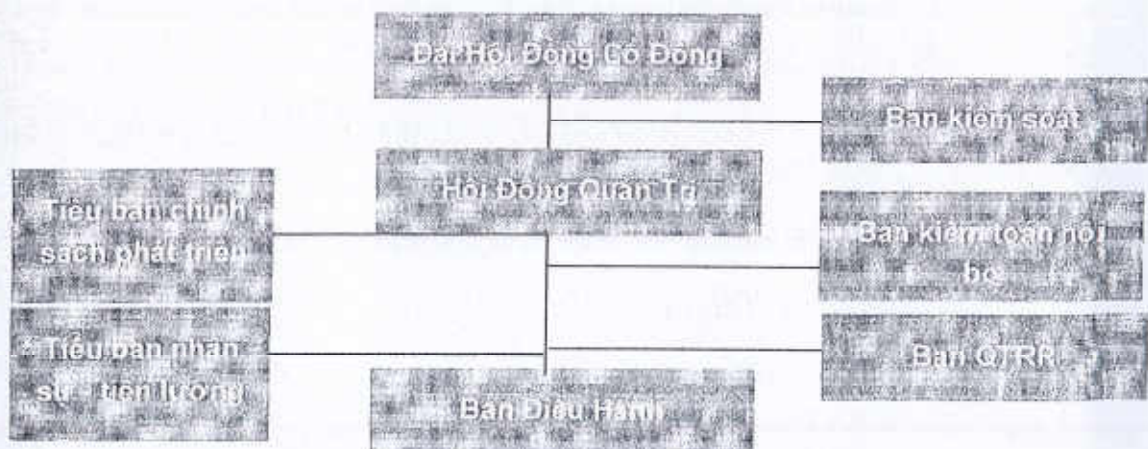
- **Phòng Tự doanh:** Triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết, chưa niêm yết theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty; Triển khai các hoạt động đầu tư góp vốn thành lập công ty, góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kinh doanh nguồn vốn và trái phiếu:** Triển khai các kênh huy động vốn, thực hiện các sản phẩm đầu tư tiền gửi, quản lý chi phí vốn đầu ra và đầu vào của Công ty; Tìm kiếm, đánh giá, phân tích, thẩm định và đề xuất các cơ hội đầu tư trái phiếu, quản lý theo dõi danh mục đầu tư và thực hiện các giao dịch mua bán trái phiếu
- **Phòng Phân tích – Nghiên cứu:** Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.
- **Phòng Tổ chức hành chính:** Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- **Phòng Quản trị rủi ro:** gồm hai bộ phận: Quản trị rủi ro và Pháp chế. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng giám sát hoạt động, phòng ngừa rủi ro của các phòng tại Hội sở và Chi nhánh, bảo đảm các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống; Bộ phận Pháp chế có chức năng tham mưu những vấn đề pháp lý, chế độ liên quan đến hoạt động của Công ty, tư vấn/hỗ trợ/tham vấn/phối hợp tham gia về mặt pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ mà các đơn vị nghiệp vụ Công ty cung cấp cho các khách hàng/đối tác; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác giải quyết tranh chấp tại Công ty.
- **Phòng Tài chính kế toán:** Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ:** Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan, đồng thời kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Công ty.
- **Phòng Kế hoạch tổng hợp:** Quản lý kế hoạch kinh doanh và tổng hợp báo cáo, kinh doanh nguồn vốn cho Công ty, truyền thông, PR cho công ty.
- **Phòng dịch vụ chứng khoán:** Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...
- **Phòng Công nghệ thông tin:** Bảo đảm duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của BSC.

### 1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của BSC được tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật doanh nghiệp, công ty đại chúng và công ty chứng khoán như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- Điều lệ của Công ty;
- Văn bản pháp luật khác có liên quan.

#### Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 1.3.1 Đại hội đồng cổ đông

DHĐCĐ của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 21 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông có các thẩm quyền chính như sau:

- **Thẩm quyền quyết định định hướng phát triển của Công ty và các hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty:**
  - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm;
  - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán lại;
  - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- **Thẩm quyền quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.**

### 1.3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị BSC là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định. Các nhiệm vụ quyền hạn cơ bản của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 34 Điều lệ BSC:

➤ **Thẩm quyền quyết định, điều hành các hoạt động của Công ty:**

- *Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch định biên lao động hàng năm của Công ty;*
- *Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;*
- *Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;*
- *Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;*
- *Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;*
- *Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;*
- *Phê chuẩn các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá (10%) mười phần trăm giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;*
- *Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;*
- *Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;*
- *Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;*
- *Phê chuẩn việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sử hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;*

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
  - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
  - Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
  - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

### 1.3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của BSC có 03 thành viên thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật doanh nghiệp như:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại



*hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;*

- *Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;*
- *Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;*
- *Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;*

#### **1.3.4. Tiểu ban chính sách phát triển**

Theo điều 1.2 Nghị quyết số 677/NQ-BSC ngày 30/07/2020 v/v Thành lập, kiện toàn các Ban và Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Tiểu ban chính sách phát triển của BSC có 02 thành viên gồm Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- *Nghiên cứu chính sách và chiến lược phát triển của Công ty*
- *Thực thi chính sách phát triển Công ty*
- *Xác định và triển khai các ưu tiên hoạt động trong từng giai đoạn cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động trong dài hạn của Công ty*
- *Các chức năng nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị, quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty*

#### **1.3.5. Tiểu ban nhân sự - tiền lương**

Theo điều 1.2 Nghị quyết số 677/NQ-BSC ngày 30/07/2020 v/v Thành lập, kiện toàn các Ban và Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Tiểu ban nhân sự - tiền lương của BSC có 03 thành viên gồm Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập, Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Tổ chức hành chính thực hiện các nhiệm vụ sau:

- *Tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức cán bộ*
- *Đề xuất chính sách lương thưởng của Công ty*
- *Thực hiện các chức năng chuyên môn theo sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty*

- Các chức năng nghiệp vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị, quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty

### **1.3.6. Ban Điều hành**

Theo quy định tại Điều 44 Điều lệ BSC, thành phần Ban điều hành của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty nhằm thực hiện trách nhiệm quản lý và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Trong đó, Tổng Giám Đốc giữ vị trí quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc:

- **Điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty:**
  - Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
  - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

th

**1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ**

**1.4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan**

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan**

| TT | Tên cổ đông   | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ |
|----|---|--|--------------------------|----------------------|
| 1  | Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam                                    | Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội     | 97.579.039               | 51,96%               |
| 2  | Công ty TNHH Chứng khoán Hana – Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: Hana Securities Co., Ltd | 10th Floor (Global Strategy Team), 82, Uisadang-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul 07321, Korea | 65.730.042               | 35%                  |

*Nguồn : BSC tổng hợp*

**1.3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu**

**Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu**

| STT | Tên cổ đông  | Địa chỉ  | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ %/Vốn điều lệ |
|-----|--|--|------------------|---------------------|
| 1   | Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | 97.579.039       | 51,96%              |

*Nguồn: BSC tổng hợp*

**1.3.3 Danh sách người liên quan**

| TT | Họ và tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Địa chỉ | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ % | Mối quan |
|----|-----------|------------------------------|---------|-------------------|---------|----------|
|----|-----------|------------------------------|---------|-------------------|---------|----------|

|   |                   |               |  | Dại diện sở hữu | Cá nhân sở hữu |        | hệ       |
|---|-------------------|---------------|--|-----------------|----------------|--------|----------|
| 1 | Ngô Văn Dũng      | Chủ tịch HĐQT | Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội                    | 53,668,473      | 0              | 28.58% |          |
|   | Nguyễn Thị Lan    |               | Thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. | 0               | 0              | 0%     | Mẹ đẻ    |
|   | Đinh Thị Hạnh     |               | Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội                       | 0               | 0              | 0%     | Mẹ vợ    |
|   | Lê Thị Thu Hương  |               | Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội                    | 0               | 0              | 0%     | Vợ       |
|   | Ngô Bá Kiên       |               | Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội                    | 0               | 0              | 0%     | Con đẻ   |
|   | Ngô Trường Giang  |               | Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội                    | 0               | 0              | 0%     | Con đẻ   |
|   | Ngô Thị Thao      |               | Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  | 0               | 0              | 0%     | Chị ruột |
|   | Nguyễn Tiến Đạt   |               | Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  | 0               | 0              | 0%     | Anh rể   |
|   | Ngô Thị Hợp       |               | Thị trấn Cẩm Giàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương. | 0               | 0              | 0%     | Chị ruột |
|   | Ngô Thị Định      |               | Thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. | 0               | 0              | 0%     | Chị ruột |
|   | Bùi Hữu Cẩm       |               | Thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. | 0               | 0              | 0%     | Anh rể   |
|   | Ngô Thị Bình      |               | Thị trấn Cẩm Giàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương. | 0               | 0              | 0%     | Chị ruột |
|   | Nguyễn Quang Vịnh |               | Thị trấn Cẩm Giàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương. | 0               | 0              | 0%     | Anh rể   |

| TT | Họ và tên   | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ % | Mối quan hệ          |
|----|---|------------------------------|--|-------------------|----------------|---------|----------------------|
|    |   |                              |  | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |         |                      |
|    | Ngô Tân Hải   |                              | Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Anh ruột             |
|    | Ngô Minh Hồng   |                              | Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu              |
|    | Ngô Quang Hùng  |                              | Thị trấn Cẩm Giàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.                                   | 0                 | 0              | 0%      | Anh ruột             |
|    | Vũ Thị Tạo  |                              | Thị trấn Cẩm Giàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.                                   | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu              |
|    | Ngô Văn Tuấn  |                              | Phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội.   | 0                 | 0              | 0%      | Anh ruột             |
|    | Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC) | Chủ tịch công ty             | Tầng 12, tòa nhà BIDV, 263 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội           | 0                 | 0              | 0%      | Tổ chức có liên quan |
|    | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                          | Ủy viên HĐQT                 | Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Tổ chức có liên quan |
| 2  | Lê Đào Nguyên   | Thành viên HĐQT độc lập      | Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.   | 0                 | 0              | 0%      |                      |
|    | Vũ Lệ Xuân  |                              | Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.   | 0                 | 0              | 0%      | Vợ                   |
|    | Lê Vũ Diễm Hằng   |                              | Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Con gái              |
|    | Lê Đào Nhị  |                              | Hoàn Kiếm, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Em trai              |

| TT | Họ và tên                 | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Địa chỉ                                    | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ %      | Mối quan hệ |
|----|---------------------------|------------------------------|--|-------------------|----------------|--------------|-------------|
|    |                           |                              |  | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |              |             |
|    |                           |                              |  |                   |                |              | ruột        |
|    | Cần Thị Mỹ Thanh          |                              | Hoàn Kiếm, Hà Nội                          | 0                 | 0              | 0%           | Em dâu      |
|    | Lê Đào Nghĩa              |                              | Hoàn Kiếm, Hà Nội                          | 0                 | 0              | 0%           | Em ruột     |
|    | Đỗ Thị Thắm               |                              | Hoàn Kiếm, Hà Nội                          | 0                 | 0              | 0%           | Em dâu      |
|    | Lê Đào Nhân               |                              | Hoàn Kiếm, Hà Nội                          | 0                 | 0              | 0%           | Em ruột     |
|    | Lê Đào Hạnh               |                              | Hoàn Kiếm, Hà Nội                          | 0                 | 0              | 0%           | Em ruột     |
|    | Đoàn Ngọc Ngoạn           |                              | Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%           | Mẹ vợ       |
| 3  | <b>Nguyễn Thanh Huyền</b> | <b>Ủy viên HĐQT</b>          | <b>P Phú Diễn – Q Bắc Từ Liêm – Hà Nội</b> | <b>14,636,855</b> | <b>5</b>       | <b>7.79%</b> |             |
|    | Nguyễn Khánh Dư           |                              | Đông Trạch Ngũ Hiệp Thanh Trì Hà Nội       | 0                 | 0              | 0%           | Bố          |
|    | Phạm Thị Lập              |                              | Đông Trạch Ngũ Hiệp Thanh Trì Hà Nội       | 0                 | 0              | 0%           | Mẹ          |
|    | Nguyễn Huy Hoàng          |                              | P Phú Diễn – Q Bắc Từ Liêm – Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%           | Chồng       |
|    | Nguyễn Khánh Toàn         |                              | Đông Trạch Ngũ Hiệp Thanh Trì Hà Nội       | 0                 | 0              | 0%           | Em trai     |
|    | Nguyễn Chí Mai            |                              | P Phú Diễn – Q Bắc Từ Liêm – Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%           | Con gái     |
|    | Nguyễn Thanh Trúc         |                              | P Phú Diễn – Q Bắc Từ Liêm – Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%           | Con gái     |
|    | Nguyễn Thị Nhã            |                              | Đông Trạch Ngũ Hiệp Thanh Trì Hà Nội       | 0                 | 0              | 0%           | Em dâu      |
|    | Nguyễn Văn Hoa            |                              | P Phú Diễn – Q Bắc Từ Liêm – Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%           | Bố chồng    |
|    | Ngô Thị                   |                              | P Phú Diễn – Q                             | 0                 | 0              | 0%           | Mẹ          |

zh

| TT | Họ và tên              | Chức vụ tại công ty (nếu có)      | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ % | Mối quan hệ |
|----|------------------------|-----------------------------------|--|-------------------|----------------|---------|-------------|
|    |                        |                                   |  | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |         |             |
|    | Nhàn                   |                                   | Bắc Từ Liêm – Hà Nội                               |                   |                |         | chồng       |
|    | Nguyễn Thị Mai Hương   |                                   | P Phú Diễn – Q Bắc Từ Liêm – Hà Nội                | 0                 | 0              | 0%      | Em chồng    |
| 4  | Nguyễn Duy Viên        | <b>Tổng Giám đốc/Ủy viên HĐQT</b> | Royal City, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội        | 29,273,711        | 0              | 15.59%  |             |
|    | Phan Thị Phế           |                                   | Times City, Hà Nội, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ đẻ       |
|    | Nghiêm Thị Hương Giang |                                   | Royal City, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%      | Vợ          |
|    | Nguyễn Quang Vinh      |                                   | Times City, Hà Nội, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Anh trai    |
|    | Nguyễn Quang Vịnh      |                                   | Chung cư Hà Đô, Hoàng Văn Thái, Hà Nội             | 0                 | 0              | 0%      | Anh trai    |
|    | Nguyễn Quang Minh      |                                   | Royal City, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%      | Con trai    |
|    | Nguyễn Ngọc Minh Thu   |                                   | Royal City, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%      | Con gái     |
|    | Nghiêm Xuân Tiến       |                                   | D8 Tập Thể Vĩnh Hồ, Hà Nội                         | 0                 | 0              | 0%      | Bố vợ       |
|    | Nguyễn Thị Cộng        |                                   | D8 Tập Thể Vĩnh Hồ, Hà Nội                         | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ vợ       |
|    | Dương Thị Bích Phượng  |                                   | Times City, Hà Nội, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu     |
|    | Nguyễn Quỳnh           |                                   | Chung cư Hà Đô, Hoàng Văn Thái,                    | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu     |

| TT | Họ và tên         | Chức vụ tại công ty (nếu có)               | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ % | Mối quan hệ |
|----|-------------------|--|--|-------------------|----------------|---------|-------------|
|    |                   |  |  | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |         |             |
|    | Hương             |  | Hà Nội   |                   |                |         |             |
| 5  | Lê Quang Huy      | Phó Tổng Giám đốc                          | Tràng Tiễn, Hoàn Kiếm Hà Nội                           | 0                 | 0              | 0%      |             |
|    | Trần Thị Hào      |  | Tràng Tiễn, Hoàn Kiếm Hà Nội                           | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ đẻ       |
|    | Vương Thị Hạnh    |  | Tràng Tiễn, Hoàn Kiếm Hà Nội                           | 0                 | 0              | 0%      | Vợ          |
|    | Lê Nhật Quang Anh |  | Tràng Tiễn, Hoàn Kiếm Hà Nội                           | 0                 | 0              | 0%      | Con trai    |
|    | Lê Nhật Linh      |  | Tràng Tiễn, Hoàn Kiếm Hà Nội                           | 0                 | 0              | 0%      | Con gái     |
|    | Nguyễn Tuấn Anh   |  | Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Anh trai    |
|    | Nguyễn Hồng Anh   |  | Nguyễn Công Hoan<br>Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội          | 0                 | 0              | 0%      | Chị gái     |
|    | Vương Đình Hoành  |  | Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội                               | 0                 | 0              | 0%      | Bố vợ       |
|    | Trịnh Thị Đức     |  | Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội                               | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ vợ       |
|    | Nguyễn Thị Bình   |  | Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu     |
|    | Kiều Tuấn Anh     |  | Nguyễn Công Hoan<br>Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội          | 0                 | 0              | 0%      | Anh rể      |
| 6  | Ngô Thị Phong Lan | Phó Tổng Giám đốc/người được ủy quyền CBTT | Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh              | 0                 | 12.800         | 0.01%   |             |
|    | Ngô Vi Kiên       |  | Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.                          | 0                 | 0              | 0%      | Bố đẻ       |

7h



| TT | Họ và tên            | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Địa chỉ   | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ %   | Mối quan hệ |
|----|----------------------|------------------------------|---|-------------------|----------------|-----------|-------------|
|    |                      |                              |   | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |           |             |
|    |                      |                              | Hồ Chí Minh   |                   |                |           |             |
|    | Nguyễn Thị Ngon      |                              | Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh                   | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ đẻ       |
|    | Ngô Vi Trọng         |                              | Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh                   | 0                 | 0              | 0%        | Em trai     |
|    | Lê Hồ An Châu        |                              | Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh                   | 0                 | 0              | 0%        | Em dâu      |
| 7  | <b>Phạm Xuân Anh</b> | <b>Phó Tổng Giám đốc</b>     | <b>Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội</b> | <b>0</b>          | <b>1</b>       | <b>0%</b> |             |
|    | Lê Thị Hoa Bắc       |                              | Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ đẻ       |
|    | Phạm Thanh Vân       |                              | Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%        | Em gái      |
|    | Nguyễn Khánh Linh    |                              | Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%        | Vợ          |
|    | Phạm Anh Tú          |                              | Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%        | Con trai    |
|    | Phạm Minh Đức        |                              | Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội        | 0                 | 0              | 0%        | Con trai    |
|    | Nguyễn Ngọc Minh     |                              | Chùa Bộc, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội                       | 0                 | 0              | 0%        | Bố vợ       |
|    | Hoàng Thị Khánh Minh |                              | Chùa Bộc, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội                       | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ vợ       |
|    | Hồ Quang Thái        |                              | Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                 | 0                 | 0              | 0%        | Em Rể       |

| TT | Họ và tên             | Chức vụ tại công ty (nếu có)       | Địa chỉ   | Số lượng cổ phiếu |                | Ty lệ % | Mối quan hệ |
|----|-----------------------|------------------------------------|---|-------------------|----------------|---------|-------------|
|    |                       |                                    |   | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |         |             |
| 8  | <b>Trần Ngọc Diệp</b> | <b>Kế toán trưởng</b>              | <b>Tổ 7 Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội</b>                                      | 0                 | 74             | 0%      |             |
|    | Trần Mạnh Thường      |                                    | Nhân Mỹ- Lý Nhân- Hà Nam  | 0                 | 0              | 0%      | Bố đẻ       |
|    | Trần Thị Dung         |                                    | Nhân Mỹ- Lý Nhân- Hà Nam  | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ đẻ       |
|    | Trần Mạnh Toàn        |                                    | Vincom Long Biên, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Anh ruột    |
|    | Trần Thanh Tùng       |                                    | Thượng Thanh- Long Biên- Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%      | Anh ruột    |
|    | Nguyễn Đức Khoa       |                                    | Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%      | Chồng       |
|    | Nguyễn Đức Minh Khôi  |                                    | Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%      | Con         |
|    | Nguyễn Đức Kha        |                                    | Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%      | Bố chồng    |
|    | Trương Thị Tường      |                                    | Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ chồng    |
|    | Phạm Thúy Nga         |                                    | Vincom Long Biên, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu     |
|    | Nguyễn Hoàng Mai      |                                    | Thượng Thanh- Long Biên- Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%      | Chị dâu     |
| 9  | <b>Phùng Minh Sơn</b> | <b>Trưởng ban Kiểm toán nội bộ</b> | <b>Căn hộ 2707 Tòa V2 CC Home City, Tổ 45 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội</b> | 0                 | 0              | 0%      |             |
|    | Phùng Xuân Minh       |                                    | 30A Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | 0                 | 0              | 0%      | Bố đẻ       |
|    | Nguyễn Thị Nhâm       |                                    | 30A Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ đẻ       |
|    | Phùng Xuân Hải        |                                    | 12A05 Tháp A CC CT1-CT2 Yên Hòa, Cầu  | 0                 | 0              | 0%      | Anh trai    |

| TT | Họ và tên              | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ %   | Mối quan hệ |
|----|------------------------|------------------------------|--|-------------------|----------------|-----------|-------------|
|    |                        |                              |  | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |           |             |
|    |                        |                              | Giấy, Hà Nội   |                   |                |           |             |
|    | Lưu Hồng Liên          |                              | 30A Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                              | 0                 | 0              | 0%        | Chị dâu     |
|    | Bùi Kim Quy            |                              | 11 LK3, TCV-BCA, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội                                | 0                 | 0              | 0%        | Vợ          |
|    | Bùi Văn Qua            |                              | Ch3 Nhà C1 TT Q/Đội, BV Kq, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội                     | 0                 | 0              | 0%        | Bố vợ       |
|    | Trần Thị Bích          |                              | 11 LK3, TCV-BCA, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội                                | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ vợ       |
|    | Phùng Xuân Quang       |                              | Căn hộ 2707 Tòa V2 CC Home City, Tổ 45 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%        | Con trai    |
|    | Phùng Minh An          |                              | Căn hộ 2707 Tòa V2 CC Home City, Tổ 45 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%        | Con gái     |
| 10 | <b>Phạm Thanh Thủy</b> | <b>Trưởng ban Kiểm soát</b>  | <b>Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội</b>  | <b>0</b>          | <b>0</b>       | <b>0%</b> |             |
|    | Phạm Như Bách          |                              | A2 Khương Thượng   | 0                 | 0              | 0%        | Bố chồng    |
|    | Nguyễn Thị Tới         |                              | A2 Khương Thượng   | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ chồng    |
|    | Phạm Trung Dũng        |                              | Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%        | Chồng       |
|    | Phạm Anh Khoa          |                              | Cộng hòa liên bang Đức   | 0                 | 0              | 0%        | Con trai    |
|    | Phạm Tuấn Hùng         |                              | Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội   | 0                 | 0              | 0%        | Con trai    |

| TT        | Họ và tên                                    | Chức vụ tại công ty (nếu có)    | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ %   | Mối quan hệ          |
|-----------|--|---------------------------------|--|-------------------|----------------|-----------|----------------------|
|           |  |                                 |  | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |           |                      |
|           | Phạm Thị Thanh Hà                            |                                 | Vinhome reverside  | 0                 | 0              | 0%        | Chị ruột             |
|           | Nguyễn Thanh Sơn                             |                                 | Vinhome reverside  | 0                 | 0              | 0%        | Anh rể               |
|           | Phạm Thị Bích Nga                            |                                 | Ngõ Thanh Nhân   | 0                 | 0              | 0%        | Chị ruột             |
|           | Ngô Ngọc Quyền                               |                                 | Ngõ Thanh Nhân   | 0                 | 0              | 0%        | Anh rể               |
|           | Phạm Hồng Quang                              |                                 | Ngõ Thanh Nhân   | 0                 | 0              | 0%        | Anh ruột             |
|           | Trần Thúy An                                 |                                 | Ngõ Thanh Nhân   | 0                 | 0              | 0%        | Chị dâu              |
|           | Phạm Huy Hoàng                               |                                 | Cộng hòa Liên bang Đức   | 0                 | 0              | 0%        | Anh ruột             |
|           | Nguyễn Mai Hương                             |                                 | Cộng hòa Liên bang Đức   | 0                 | 0              | 0%        | Chị dâu              |
|           | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |                                 | Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | 0                 | 0              | 0%        | Tổ chức có liên quan |
| <b>11</b> | <b>Vũ Minh Châu</b>                          | <b>Thành viên Ban kiểm soát</b> | <b>Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội</b>  | <b>0</b>          | <b>0</b>       | <b>0%</b> |                      |
|           | Vũ Đình Minh                                 |                                 | Minh Khai, Hai Bà, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%        | Bố                   |
|           | Vũ Thị Hồng Ngọc                             |                                 | Minh Khai, Hai Bà, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ                   |
|           | Võ Văn Bùi                                   |                                 | Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%        | Bố chồng             |
|           | Nguyễn Thị Lan                               |                                 | Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%        | Mẹ chồng             |
|           | Võ Thành Chung                               |                                 | Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%        | Chồng                |
|           | Vũ Ngọc Bảo                                  |                                 | Minh Khai, Hai Bà, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%        | Em trai              |
|           | Hà Thu                                       |                                 | Minh Khai, Hai   | 0                 | 0              | 0%        | Em                   |

| TT | Họ và tên                                    | Chức vụ tại công ty (nếu có)    | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu |                | Tỷ lệ % | Mối quan hệ          |
|----|--|---------------------------------|--|-------------------|----------------|---------|----------------------|
|    |  |                                 |  | Dại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |         |                      |
|    | Hương  |                                 | Bà, Hà Nội   |                   |                |         | dâu                  |
|    | Võ Minh Hạnh Nguyên                          |                                 | Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Con gái              |
|    | Võ Tuệ Minh                                  |                                 | Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội  | 0                 | 0              | 0%      | Con gái              |
|    | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |                                 | Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Tổ chức có liên quan |
| 12 | <b>Lê Thị Thanh Bình</b>                     | <b>Thành viên Ban kiểm soát</b> | <b>Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà nội</b>  | 0                 | 0              | 0%      |                      |
|    | Lê Văn Tâm                                   |                                 | Đông Thọ, tp Thanh Hóa   | 0                 | 0              | 0%      | Bố đẻ                |
|    | Phan Thị Vũ                                  |                                 | Đông Thọ, tp Thanh Hóa   | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ đẻ                |
|    | Phạm Thị Len                                 |                                 | Tân Phong, Vũ Thư, Thái Bình   | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ chồng             |
|    | Lê Đức Thắng                                 |                                 | Đông Thọ, tp Thanh Hóa   | 0                 | 0              | 0%      | Em trai              |
|    | Lê Thị Thanh Minh                            |                                 | Phú Mỹ Hưng, Sài Gòn   | 0                 | 0              | 0%      | Em gái               |
|    | Đặng Hữu Minh Hải                            |                                 | Phú Mỹ Hưng, Sài Gòn   | 0                 | 0              | 0%      | Em rể                |
|    | Hoàng Minh Hoàng                             |                                 | Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà nội   | 0                 | 0              | 0%      | Chồng                |
|    | Hoàng Lê Anh Đức                             |                                 | Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà nội   | 0                 | 0              | 0%      | Con                  |
|    | Hoàng Hương Giang                            |                                 | Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà nội   | 0                 | 0              | 0%      | Con                  |
|    | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |                                 | Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận                             | 0                 | 0              | 0%      | Tổ chức có liên quan |

| TT | Họ và tên         | Chức vụ tại công ty (nếu có)                         | Địa chỉ                     | Số lượng cổ phiếu |                | Ty lệ % | Mối quan hệ |
|----|-------------------|--|-----------------------------|-------------------|----------------|---------|-------------|
|    |                   |  |                             | Đại diện sở hữu   | Cá nhân sở hữu |         |             |
|    |                   |  | Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội |                   |                |         |             |
| 13 | Trương Hải Đăng   | Thư ký công ty kiêm người phụ trách quản trị công ty | Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      |             |
|    | Trương Hải Long   |  | Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Bố đẻ       |
|    | Hà Thị Kim Liên   |  | Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ đẻ       |
|    | Trương Hải Yên    |  | Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Chị gái     |
|    | Phạm Phương Thảo  |  | Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Vợ          |
|    | Phạm Lê Thuý      |  | Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội    | 0                 | 0              | 0%      | Bố vợ       |
|    | Khúc Thị Tâm      |  | Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội    | 0                 | 0              | 0%      | Mẹ vợ       |
|    | Trương Thanh Hằng |  | Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 0                 | 0              | 0%      | Con         |

**1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

**1.5.1 Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của BSC**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Địa chỉ: Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.22205544 Fax: 024.22200399
- Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 06/10/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn Điều lệ: 40.220.180.400.000 đồng.

- Tỷ lệ nắm giữ của BIDV đối với BSC: 51,96%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cấp tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thẻ tín dụng...); Dịch vụ Huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu); Dịch vụ Tài trợ thương mại; Dịch vụ thanh toán (thanh toán trong nước, quốc tế); Dịch vụ tài khoản; Dịch vụ Thẻ ngân hàng; Các dịch vụ khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...
- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 4: Một số chỉ tiêu chính của BIDV

Đơn vị: Triệu đồng

| Chi tiêu                  | 31/12/2019    | 31/12/2020    | 31/12/2021    |
|---------------------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Tổng tài sản</b>       | 1.489.957.293 | 1.516.685.712 | 1.761.938.950 |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>     | 77.652.981    | 79.646.612    | 86.366.645    |
| <b>Vốn Điều lệ</b>        | 40.220.180    | 40.220.180    | 50.585.239    |
| <b>Thu nhập lãi thuần</b> | 35.977.808    | 35.796.799    | 46.817.532    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | 8.547.757     | 7.223.565     | 10.878.646    |

Nguồn: BCTC BIDV

**1.5.2 Danh sách công ty con của BSC**

Không có.

**1.5.3 Danh sách những công ty mà BSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

**1.6. Thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành**

Bảng 5: Danh sách các thành viên HĐQT

| STT | Họ và tên        | Chức vụ         | Số lượng cổ phần |         | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|------------------|-----------------|------------------|---------|--------------------|
|     |                  |                 | Tổng số          | Tỷ lệ % |                    |
| 1   | Nguyễn Văn Tuấn  | Chủ tịch HĐQT   | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 2   | Nguyễn Văn Bình  | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 3   | Nguyễn Văn Cường | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 4   | Nguyễn Văn Dũng  | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 5   | Nguyễn Văn Hòa   | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 6   | Nguyễn Văn Khoa  | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 7   | Nguyễn Văn Lâm   | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 8   | Nguyễn Văn Mạnh  | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 9   | Nguyễn Văn Phước | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 10  | Nguyễn Văn Sơn   | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 11  | Nguyễn Văn Thành | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 12  | Nguyễn Văn Trọng | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 13  | Nguyễn Văn Xuân  | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |
| 14  | Nguyễn Văn Yên   | Thành viên HĐQT | 100.000.000      | 100%    | 100.000.000        |

| STT                        | HỌ TÊN             | CHỨC VỤ                  | Số lượng cổ phần |         | Tỷ lệ (%) |
|----------------------------|--------------------|--------------------------|------------------|---------|-----------|
|                            |                    |                          | Đại diện số      | Cá nhân |           |
| <b>A HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |                    |                          |                  |         |           |
| 1                          | Ngô Văn Dũng       | Chủ tịch HĐQT            | 53.668.473       | 0       | 28,58%    |
| 2                          | Nguyễn Duy Viễn    | Thành viên HĐQT kiêm TGD | 29.273.711       | 0       | 15,59%    |
| 3                          | Nguyễn Thanh Huyền | Thành viên HĐQT          | 14.636.855       | 5       | 7,79%     |
| 4                          | Lê Đào Nguyên      | Thành viên độc lập HĐQT  | 0                | 0       | 0%        |
| <b>B BAN KIỂM SOÁT</b>     |                    |                          |                  |         |           |
| 5                          | Phạm Thanh Thủy    | Trưởng Ban kiểm soát     | 0                | 0       | 0%        |
| 6                          | Lê Thị Thanh Bình  | Kiểm soát viên           | 0                | 0       | 0%        |
| 7                          | Vũ Minh Châu       | Kiểm soát viên           | 0                | 0       | 0%        |
| <b>C BAN GIÁM ĐỐC</b>      |                    |                          |                  |         |           |
| 8                          | Nguyễn Duy Viễn    | Tổng Giám Đốc            | Giống phần A.2   |         |           |
| 9                          | Ngô Thị Phong Lan  | Phó Tổng Giám đốc        | 0                | 12.800  | 0,01%     |
| 10                         | Lê Quang Huy       | Phó Tổng Giám đốc        | 0                | 0       | 0%        |
| 11                         | Phạm Xuân Anh      | Phó Tổng Giám đốc        | 0                | 1       | 0%        |
| <b>D KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>    |                    |                          |                  |         |           |
| 12                         | Trần Ngọc Diệp     | Kế toán trưởng           | 0                | 74      | 0%        |



Nguồn: BSC

**Thông tin về Ban điều hành của Tổ chức phát hành**

**a. Tổng giám đốc**

| Họ và tên              | Ngày sinh   |
|------------------------|---|
| Giới tính:             | Nam   |
| Ngày sinh:             | 28/01/1979  |
| Nơi sinh:              | Hà Nội  |
| Số CMND:               | 001079024483  |
| Quốc tịch:             | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn:   | Thạc sỹ kinh tế   |
| Kinh nghiệm làm việc:  |   |
| 26/12/2000- 26/03/2001 | Cán bộ tín dụng Chi nhánh Sở giao dịch I- BIDV                          |
| 27/03/2001-30/09/2004  | Cán bộ tín dụng Chi nhánh Bắc Hà Nội- BIDV                              |
| 01/10/2004- 09/08/2007 | Cán bộ tín dụng- Phòng Tín dụng 2- Ban Tín dụng- Hội sở chính BIDV      |
| 10/08/2007- 14/11/2007 | Phó trưởng Phòng Pháp chế tín dụng- Ban Tín dụng- Hội sở chính BIDV     |
| 15/11/2007- 9/2009     | Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam |
| 09/2009-07/2012        | Phó Tổng Giám đốc- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam            |
| 07/2012-10/2012        | Quyền Tổng Giám đốc- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam          |
| 10/2012-12/2017        | Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam                 |
| 01/2018-03/2019        | Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp lớn- Hội sở                    |

|  |  |
|--|--|
|  | chính BIDV   |
| 03/2019 – 06/2020  | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán BIDV (BSC)   |
| 18/06/2020 đến nay   | Tổng giám đốc BSC  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Tổng giám đốc  |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ                                     | 29.273.711 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 15.59% cổ phiếu BSI |
| Đại diện sở hữu  | 29.273.711 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 15.59% cổ phiếu BSI |
| Cá nhân sở hữu   | 0  |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có   |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có   |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có   |

#### b. Phó Tổng Giám đốc

|            |                     |
|------------|---------------------|
| Họ và tên: | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
| Giới tính: | Nữ                  |
| Ngày sinh: | 19/11/1978          |
| Nơi sinh:  | An Giang            |
| Số CMND:   | 023915915           |
| Quốc tịch: | Việt Nam            |

|  |   |
|--|---|
| Trình độ chuyên môn:   | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh                                     |
| Kinh nghiệm làm việc:  |   |
| 15/6/2001 - 31/5/2005  | Chuyên viên P.Phân tích Chi nhánh Công ty BSC                   |
| 01/06/2005 - 14/12/2006  | Phó Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển Chi nhánh công ty BSC |
| 15/12/2006 - 31/5/2007   | Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển Chi nhánh công ty BSC     |
| 01/06/2007 - 31/12/2010  | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính Chi nhánh công ty BSC   |
| 01/01/2011 - 16/3/2011   | Trưởng phòng Tư vấn tài chính Chi nhánh công ty BSC             |
| 17/03/2011 - 14/06/2014  | Tổng Giám đốc công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS)    |
| 15/06/2014 - 26/10/2014  | Trợ lý Tổng Giám đốc BSC  |
| 27/10/2014 - nay   | Phó Tổng Giám đốc BSC kiêm Giám đốc chi nhánh BSC               |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Phó Tổng giám đốc   |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ                                     | 12.800 cổ phiếu tương đương 0,01% số cổ phiếu của BSC           |
| Đại diện sở hữu  | 0   |
| Cá nhân sở hữu   | 12.800 cổ phiếu tương đương 0,01% số cổ phiếu của BSC           |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có  |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công                                     | Không có  |

ty: \_\_\_\_\_

| Họ và tên               | Chức vụ   |
|-------------------------|---|
| Gới tính:               | Nam   |
| Ngày sinh:              | 17/03/1978  |
| Nơi sinh:               | Hải Dương   |
| Số CMND:                | 001078006207  |
| Quốc tịch:              | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn:    | Cử nhân tài chính   |
| Kinh nghiệm làm việc:   |   |
| 2002 - 2005             | Chuyên viên tín dụng Sở Giao dịch 1 – BIDV  |
| 2005 - 2007             | Phó trưởng phòng Tín dụng - BIDV Quang Trung  |
| 01/05/2007 – 28/02/2008 | Phó trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính - BSC   |
| 01/03/2008 – 31/12/2010 | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính - BSC   |
| 01/01/2009 – 29/03/2009 | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính, Trưởng nhóm dự án - BSC                                      |
| 30/03/2009 – 09/10/2010 | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính, Trưởng nhóm dự án kiêm Trưởng phòng Tổ chức hành chính - BSC |
| 10/10/2010 – 31/12/2010 | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính Trưởng nhóm dự án - BSC                                       |
| 01/01/2011 – 31/12/2011 | Trưởng phòng Tự Doanh – BSC   |
| 01/01/2012 – 15/04/2012 | Trưởng phòng Tự Doanh, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp kiêm Trưởng nhóm Phát triển sản phẩm - BSC      |
| 16/04/2012 – 14/05/2012 | Trưởng phòng Tự Doanh – BSC   |

th

|  |  |
|--|--|
| 15/05/2012 – 2018  | Phó Tổng Giám đốc BSC                            |
| 2018 – 2020  | Công ty Chứng khoán VCBS                         |
| 15/10/2020 - nay   | Phó Tổng Giám đốc BSC                            |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Phó Tổng giám đốc                                |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ                                     | 0 cổ phiếu tương đương 0,00% số cổ phiếu của BSC |
| Đại diện sở hữu  | 0  |
| Cá nhân sở hữu   | 0 cổ phiếu tương đương 0,00% số cổ phiếu của BSC |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có   |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có   |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có   |

|                      |                      |
|----------------------|----------------------|
| Họ và tên:           | Phạm Nguyễn Văn Tuấn |
| Giới tính:           | Nam                  |
| Ngày sinh:           | 29/09/1977           |
| Nơi sinh:            | Hà Nội               |
| Số CMND:             | 001077025740         |
| Quốc tịch:           | Việt Nam             |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ kinh tế      |

|  |   |
|--|---|
| Kinh nghiệm làm việc:  |   |
| 1999 – 2008  | Chuyên viên tại Bộ Thương mại   |
| 02/12/2008 – 30/06/2010  | Chuyên viên/Phó Trưởng nhóm/Phụ trách nhóm phân tích phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính BSC |
| 01/07/2010 – 31/12/2010  | Phó Trưởng nhóm Dự án phòng Đầu tư và Tư vấn Tài chính BSC                                |
| 01/01/2011 – 11/09/2011  | Phó Trưởng phòng TỰ doanh BSC   |
| 12/09/2011 – 14/05/2012  | Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Tư vấn tài chính BSC                                     |
| 15/05/2012 - 2017  | Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC   |
| 2017 – 2020  | CTCP Chứng khoán MB   |
| 15/10/2020 - nay   | Phó Tổng Giám đốc BSC   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Phó Tổng giám đốc   |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ                                     | 1 cổ phiếu tương đương 0,00% số cổ phiếu của BSC  |
| Đại diện sở hữu  | 0   |
| Cá nhân sở hữu   | 1 cổ phiếu tương đương 0,00% số cổ phiếu của BSC  |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có  |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có  |

### c. Kế toán trưởng

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Giới tính:</b>            | Nữ   |
| <b>Ngày sinh:</b>            | 27/04/1984   |
| <b>Nơi sinh:</b>             | Hà Nam   |
| <b>Số CMND:</b>              | 035184000301   |
| <b>Quốc tịch:</b>            | Việt Nam   |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>  | Cử nhân tài chính ngân hàng  |
| <b>Kinh nghiệm làm việc:</b> |  |
| 11/2007 đến 20/3/2011        | Chuyên viên phòng Tài chính kế toán BSC  |
| 21/03/2011 - 31/01/2013      | Phó Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán Hội sở BSC  |
| 01/02/2013 – 11/09/2014      | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng TCKT Hội sở BSC   |
| 12/09/2014 – 15/07/2015      | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng TCKT Hội sở kiêm Phụ trách phòng Quản trị rủi ro BSC  |
| 16/07/2015 – 31/12/2015      | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng TCKT Hội sở kiêm Phụ trách phòng Quản trị rủi ro kiêm Phụ trách bộ phận kế hoạch BSC        |
| 01/01/2016 – 29/06/2016      | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng TCKT Hội sở kiêm Phụ trách phòng Quản trị rủi ro kiêm Phụ trách phòng Kế hoạch tổng hợp BSC |
| 30/06/2016 – 27/11/2016      | Kế toán trưởng kiêm Phụ trách Phòng Kế hoạch tổng hợp và Phụ trách Phòng Quản trị rủi ro BSC                                 |
| 28/11/2016 – 31/10/2018      | Kế toán trưởng kiêm Phụ trách Phòng Kế hoạch tổng hợp kiêm Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính                                |
| 01/11/2018 – 22/07/2020      | Kế toán trưởng, Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam  |
| 23/07/2020 – 28/02/2021      | Kế toán trưởng kiêm Phụ trách Phòng Kế hoạch tổng hợp  |

|  |   |
|--|---|
|  | BSC   |
| 01/03/2021 - nay   | Kế toán trưởng, Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Kế toán trưởng  |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ                                     | 74 cổ phiếu chiếm 0,01% cổ phiếu của BSC  |
| Đại diện sở hữu  | 0   |
| Cá nhân sở hữu   | 74 cổ phiếu chiếm 0,01% cổ phiếu của BSC  |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có  |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có  |

**1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực**

Bảng 5: Danh sách các thành viên QTRR

| Họ và tên              | Chức vụ                        | Số cổ phiếu | Đã nắm giữ |
|------------------------|--------------------------------|-------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Hà Thanh | Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro | 0           | 0          |
| Ông Phạm Văn An        | Chuyên viên Quản trị rủi ro    | 20,000      | 0          |
| Bà Thái Ngọc Lan Hương | Chuyên viên Quản trị rủi ro    | 0           | 0          |
| Ông Đặng Đình Hưng     | Chuyên viên Quản trị rủi ro    | 0           | 0          |



|                     |                             |   |   |
|---------------------|-----------------------------|---|---|
| Ông Phan Trung Kiên | Chuyên viên Quản trị rủi ro | 0 | 0 |
| Bà Nguyễn Lan Anh   | Chuyên viên Quản trị rủi ro | 0 | 0 |
| Ông Nguyễn Đức Long | Chuyên viên Quản trị rủi ro | 0 | 0 |

**Sơ yếu lý lịch các thành viên QTRR:**

| Họ và tên                                    | Đơn vị hiện tại   |
|--|---|
| Giới tính:                                   | Nữ  |
| Ngày sinh:                                   | 14/02/1992  |
| Nơi sinh:                                    | Hà Nội  |
| Số CCCD:                                     | 001192040168  |
| Quốc tịch:                                   | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn:                         | Thạc sỹ Tài chính, CFA level 2.   |
| Kinh nghiệm làm việc:                        |   |
| 03/2015 – 08/2018                            | Chuyên viên Phòng Kế hoạch tổng hợp - Công ty CP Chứng khoán BIDV               |
| 8/2018 - 05/2019                             | Chuyên viên Phòng Kinh doanh nguồn vốn trái phiếu - Công ty CP Chứng khoán BIDV |
| 05/2019 – 05/2021                            | Phó Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp - Công ty CP Chứng khoán BIDV                |
| 05/2021-nay                                  | Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV                    |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                 | Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro  |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm) | 0   |

|  |          |
|--|----------|
| 30/09/2022)  |          |
| Đại diện sở hữu  | 0        |
| Cá nhân sở hữu   | 0        |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có |

|                                     |   |
|-------------------------------------|---|
| <b>Họ và tên:</b>                   | <b>Trần Quốc Tuấn</b>                                     |
| <b>Giới tính:</b>                   | Nam   |
| <b>Ngày sinh:</b>                   | 25/06/1994  |
| <b>Nơi sinh:</b>                    | Moskow, Nga   |
| <b>Số CCCD:</b>                     | 231094000082  |
| <b>Quốc tịch:</b>                   | Việt Nam  |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>         | Thạc sỹ Quản trị rủi ro                                   |
| <b>Kinh nghiệm làm việc:</b>        |   |
| 03/2018 - nay                       | Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV |
| <b>Chức vụ đang nắm giữ tại BSC</b> | Chuyên viên Quản trị rủi ro                               |

th

|   |          |
|---|----------|
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2022) | 20,000   |
| Đại diện sở hữu   | 0        |
| Cá nhân sở hữu  | 20,000   |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                         | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                      | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                        | Không có |

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>Họ và tên:</b>            | <b>Trần Ngọc Anh Huyền</b>  |
| <b>Giới tính:</b>            | Nữ  |
| <b>Ngày sinh:</b>            | 10/04/1994  |
| <b>Nơi sinh:</b>             | Hà Nội  |
| <b>Số CCCD:</b>              | 001194046443  |
| <b>Quốc tịch:</b>            | Việt Nam  |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>  | Thạc sỹ Tài chính, CFA Charterholder                              |
| <b>Kinh nghiệm làm việc:</b> |   |
| 11/2018 – 07/2019            | Chuyên viên Quản trị rủi ro - CTCP Sở giao dịch hàng hóa Việt Nam |
| 07/2019 - 12/2019            | Chuyên viên Quản trị rủi ro - CTCP Chứng khoán MBS                |
| 08/2020 – 05/2020            | Chuyên viên Phân tích - CTCP Chứng khoán BIDV                     |

|  |   |
|--|---|
| 05/2020 - Nay  | Chuyên viên Quản trị rủi ro - CTCP Chứng khoán BIDV |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Chuyên viên Quản trị rủi ro                         |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2022)          | 0   |
| Đại diện sở hữu  | 0   |
| Cá nhân sở hữu   | 0   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có  |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có  |

|                      |                        |
|----------------------|------------------------|
| Họ và tên:           | Đào Hữu Hưng           |
| Giới tính:           | Nam                    |
| Ngày sinh:           | 15/08/1995             |
| Nơi sinh:            | Hà Nội                 |
| Số CCCD:             | 040095000109           |
| Quốc tịch:           | Việt Nam               |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kiểm toán, FRM |



|  |   |
|--|---|
| Kinh nghiệm làm việc:  |   |
| 12/2016 – 06/2018  | Trợ lý kiểm toán - Công ty TNHH PwC Việt Nam  |
| 07/2018 – 03/2019  | Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH PwC Việt Nam                                   |
| 04/2019 – 06/2020  | Chuyên viên kiểm toán nội bộ - Công ty TNHH Sản Xuất Phụ Tùng Yamaha Motor Việt Nam |
| 06/2020 – 07/2021  | Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chuỗi Thực Phẩm TH                         |
| 07/2021 - nay  | Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV                           |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                                     | Chuyên viên Quản trị rủi ro   |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2022)          | 0   |
| Đại diện sở hữu  | 0   |
| Cá nhân sở hữu   | 0   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có  |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                                  | Không có  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                               | Không có  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                                 | Không có  |

|  |   |
|--|---|
| <b>Gới tính:</b>   | Nam   |
| <b>Ngày sinh:</b>  | 13/12/1997  |
| <b>Nơi sinh:</b>   | Hà Nội  |
| <b>Số CCCD:</b>  | 001097030970  |
| <b>Quốc tịch:</b>  | Việt Nam  |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>                                    | Cử nhân Kiểm toán   |
| <b>Kinh nghiệm làm việc:</b>                                   |   |
| 09/2019 – 02/2022  | Chuyên viên Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam |
| 04/2022 – nay  | Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV         |
| <b>Chức vụ đang nắm giữ tại BSC</b>                            | Chuyên viên Quản trị rủi ro                                       |
| <b>Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2022)</b> | 0   |
| <b>Đại diện sở hữu</b>   | 0   |
| <b>Cá nhân sở hữu</b>  | 0   |
| <b>Những khoản nợ đối với Công ty:</b>                         | Không có  |
| <b>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</b>                      | Không có  |
| <b>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</b>                        | Không có  |

*th*

| Họ và tên:  | Nguyễn Thị Anh  |
|---|---|
| Giới tính:  | Nữ  |
| Ngày sinh:  | 14/02/2000  |
| Nơi sinh:   | Hà Nam  |
| Số CCCD:  | 035300004940  |
| Quốc tịch:  | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn:                                    | Cử nhân Quản trị rủi ro                                   |
| Kinh nghiệm làm việc:                                   |   |
| 07/2022 - nay   | Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                            | Chuyên viên Quản trị rủi ro                               |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2022) | 0   |
| Đại diện sở hữu   | 0   |
| Cá nhân sở hữu  | 0   |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                         | Không có  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty:                      | Không có  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                        | Không có  |

| Họ và tên:  | Như Quỳnh  |
|---|--|
| Giới tính:  | Nam  |
| Ngày sinh:  | 11-05-1995   |
| Nơi sinh:   | Hà Nội   |
| Số CCCD:  | 001095010035   |
| Quốc tịch:  | Việt Nam   |
| Trình độ chuyên môn:                                    | Cử nhân Tài chính ngân hàng  |
| Kinh nghiệm làm việc:                                   |  |
| 12/2017 - 12/2018                                       | Chuyên viên Tài Chính – Công ty CP Đào tạo Edutop (TOPICA)                         |
| 01/2019 – 01/2020                                       | Chuyên viên Vận hành Tín dụng - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                  |
| 01/2020 – 08/2022                                       | Chuyên viên chính Giám sát rủi ro thị trường - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 08/2022 – Nay   | Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV                          |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC                            | Chuyên viên Quản trị rủi ro  |
| Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/09/2022) | 0  |
| Đại diện sở hữu   | 0  |
| Cá nhân sở hữu  | 0  |
| Những khoản nợ đối với Công ty:                         | Không có   |



|                                    |          |
|------------------------------------|----------|
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:   | Không có |

## 2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

### 2.1. Các hoạt động kinh doanh chính tại BSC

#### HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Tham gia thị trường chứng khoán ngay từ giai đoạn đầu của thị trường, mảng dịch vụ môi giới cổ phiếu và trái phiếu của BSC đều đạt được những thành tựu lớn và tạo lập được thương hiệu vững chắc với đầy đủ dịch vụ.

#### *Những sản phẩm cơ bản:*

Dịch vụ mở tài khoản giao dịch, quản lý chứng khoán và tiền: BSC cung cấp dịch vụ mở tài khoản để giao dịch, quản lý chứng khoán và tiền cho khách hàng với đa dạng và đầy đủ các sản phẩm hiện có trên thị trường chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh chỉ số, phái sinh hợp đồng tương lai trái phiếu, chứng quyền, chứng chỉ quỹ,... Các kênh mở tài khoản bao gồm:

- Mở tài khoản trực tiếp tại các phòng giao dịch của BSC và các điểm hỗ trợ tại các chi nhánh BIDV trên 59 tỉnh, thành phố
- Mở tài khoản trực tuyến tại <https://bsc.com.vn/RegisterOnline.aspx>
- Mở tài khoản VIP các khách hàng VIP được cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ tận nơi do đội ngũ cán bộ chăm sóc khách hàng VIP được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp

Dịch vụ lưu ký: BSC nhận lưu ký chứng khoán của khách hàng và thực hiện tái lưu ký tại VSD. Dịch vụ lưu ký chứng khoán bao gồm:

- Gửi / rút / thực hiện quyền chứng khoán
- Chuyển khoản và nhận chuyển khoản chứng khoán
- Phong tỏa và giải phong tỏa chứng khoán

Dịch vụ OTC: BSC cung cấp các dịch vụ giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (OTC) đa dạng như: dịch vụ đấu giá cổ phần doanh nghiệp phát hành lần đầu, hoặc thoái vốn; dịch vụ đại lý đăng ký lưu ký, thanh toán; dịch vụ quản lý cổ đông cho các doanh nghiệp có nhu cầu phát hành cổ phiếu, trái phiếu...

#### Báo cáo phân tích và tư vấn đầu tư

- Với thế mạnh về cơ sở dữ liệu, phong phú về nền tảng khách hàng, chuyên nghiệp về cung cách phục vụ, BSC có khả năng tiếp cận, phân tích và đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện và sâu sắc nền kinh tế vĩ mô, thị trường và doanh nghiệp. Sản phẩm của BSC được đóng gói dưới nhiều dạng sản phẩm khác nhau, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng sử dụng.
- Hệ thống báo cáo của BSC được cập nhật thường xuyên và kịp thời, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế.
  - Báo cáo hàng ngày (bản tin sáng, báo cáo cuối ngày), báo cáo tuần, báo cáo tháng
  - Các báo cáo phân tích, định giá và tư vấn cổ phiếu của doanh nghiệp
  - Báo cáo ngành theo quý, 6 tháng và năm
  - Báo cáo chuyên ngành (kết hợp nhiều nhóm) báo cáo về những vấn đề có ảnh hưởng lớn tới thị trường

***Những sản phẩm công nghệ hiện đại:***

**i-Broker – Trợ lý ảo 24/7:** Công cụ tư vấn đầu tư dựa trên trí tuệ nhân tạo do BSC phát triển, có khả năng hỗ trợ nhà đầu tư tra cứu thông tin theo yêu cầu về thị trường, các mã chứng khoán, cũng như đưa ra các tư vấn, khuyến nghị dựa trên cơ sở dữ liệu thị trường và dữ liệu doanh nghiệp. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch.

Bên cạnh 4 chức năng tư vấn bao gồm phân tích cơ bản, phân tích định lượng, báo cáo phân tích và phân tích phái sinh, BSC đã nghiên cứu và ra mắt vào thời điểm đầu năm 2020 bot chat mới “iBroker - Bộ lọc thị trường” – cung cấp những thông tin về ngành, thị trường, doanh nghiệp dưới dạng đồ thị, bảng biểu một cách linh hoạt, sinh động, đồng thời hỗ trợ các tính năng lọc để đưa ra kết quả nhanh, chính xác nhất.

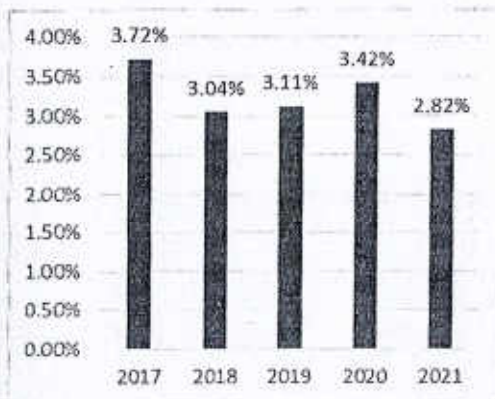
**i-Invest – Tư vấn lập kế hoạch đầu tư:** Sản phẩm tư vấn đầu tư thông minh với những tính năng ưu việt hỗ trợ khách hàng xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp, tiết kiệm thời gian và gia tăng lợi ích. Với lợi thế tiên phong, BSC liên tục nghiên cứu, cập nhật và phát triển đa dạng các danh mục đầu tư, đáp ứng nhu cầu ngày càng phức tạp của khách hàng. Hiện tại BSC đã phát triển tổng cộng 44 danh mục đầu tư bao gồm 19 danh mục đầu tư theo chủ đề, 18 danh mục theo mục tiêu và 7 danh mục theo rủi ro.

**i-Fortune – Dịch vụ ủy thác quản lý tài khoản:** Nhu cầu sử dụng dịch vụ Ủy thác quản lý tài khoản ngày càng cao đến từ các đối tượng khách hàng có nguồn tiền nhàn rỗi cần đầu tư sinh lời với lợi suất tốt hơn gửi tiết kiệm. Nhằm bắt xu hướng đó, BSC đã chủ động nghiên cứu và chính thức ra mắt sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán – iFortune từ tháng 11/2019. Sản phẩm i-Fortune sẽ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng VIP, từ đó giúp BSC tăng trưởng thị phần và gia tăng doanh thu.

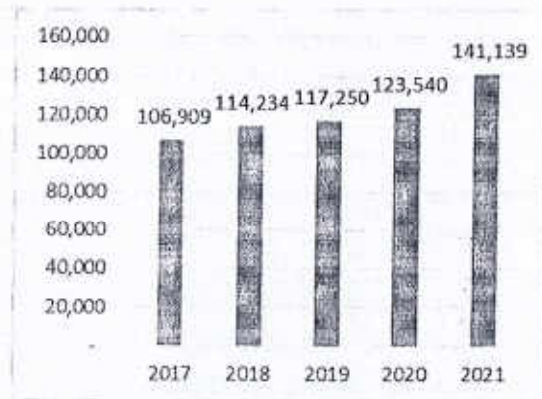
Ngoài ra, cùng với ứng dụng và đưa vào triển khai hệ thống Open APIs trong hoạt động phân phối các sản phẩm, dịch vụ, BSC đã tạo ra một cách tiếp cận hoàn toàn mới so với các kênh phân phối bán hàng truyền thống như trước đây. Theo đó, hệ thống Open APIs (hệ thống Giao tiếp lập trình ứng dụng mở) là cầu nối giữa hệ thống phân tích của các nhà đầu tư với hạ tầng giao dịch của các công ty chứng khoán, hướng tới phát triển nhóm khách hàng mới cho BSC, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.

**Điểm nhấn của hoạt động môi giới:**

**Thị phần môi giới cổ phiếu BSC**



**Số lượng tài khoản khách hàng tại BSC**



Số lượng tài khoản đã *tăng trưởng 32%* trong 5 năm qua, khẳng định uy tín của BSC nói riêng và sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán nói chung.

Trước những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế, thị phần môi giới và chứng chỉ quỹ của BSC năm 2021 chỉ đạt 2.82% giảm 17% so với 2020 tuy nhiên vẫn duy trì vị trí thứ 11 thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất sàn HOSE. Để phát triển thị phần môi giới cổ phiếu một cách bền vững, công ty đã chú trọng đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng tổ chức và triển khai các sản phẩm tiềm năng ứng dụng công nghệ hiện đại. Công tác phát triển khách hàng tổ chức đạt thành quả tốt là dấu hiệu tích cực cho một nền khách hàng bền vững trong tương lai.

Đối với môi giới trái phiếu, trong vòng 03 năm trở lại đây, BSC luôn giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu Chính phủ và nằm trong Top đầu thị phần môi giới trái phiếu chính phủ trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

BSC luôn đề cao việc nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động môi giới chứng khoán, cũng như hoạt động cho vay, ký quỹ. Mặc dù, việc này phần nào ảnh hưởng đến việc tăng trưởng của công ty.

## HOẠT ĐỘNG CHO VAY KÝ QUỸ

Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ là giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của Công ty chứng khoán. Hoạt động cho vay và hoạt động môi giới là hai hoạt động có sự tương tác qua lại và hỗ trợ nhau chặt chẽ. Với định hướng thực hiện cho vay an toàn kết hợp với việc quản trị rủi ro chặt chẽ, hoạt động này thực sự đã đem lại nguồn thu lớn có tính chất bền vững cho BSC.

Tận dụng lợi thế mạng lưới đối tác, nhà cung cấp tín dụng lớn, BSC luôn có được nguồn tài trợ đủ lớn để đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư. Nhờ nguồn cho vay lớn cộng với chính sách cho vay an toàn nhưng không kém phần cạnh tranh, linh hoạt, hoạt động không những đem lại doanh thu lớn mà còn duy trì và bảo đảm sự tăng trưởng thị phần trong tương lai.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu của BSC năm 2021 đạt 292.9 tỷ đồng.

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Là thành viên tích cực của thị trường chứng khoán, hoạt động tự doanh của BSC đã góp phần thúc đẩy giao dịch đối với cả thị trường chứng khoán vốn và chứng khoán nợ.

Chiến lược đầu tư của BSC được xây dựng trên nền tảng chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ và hướng đến tăng trưởng bền vững. Xác lập mục tiêu chiến lược khác biệt, không chỉ là một nghiệp vụ kinh doanh sinh lời mà thông qua đó, thực hiện mục tiêu hỗ trợ, phát triển các dịch vụ tư vấn, môi giới của Công ty.

## HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

BSC hoạt động trên các mảng nghiệp vụ ngân hàng đầu tư ngay từ những năm đầu thành lập. BSC cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên sâu, hoạch định các phương án, giải pháp toàn diện nhằm kiến tạo những giá trị bền vững của doanh nghiệp; hội tụ những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán, tạo lập nền tảng gia tăng động lực mở rộng thị trường vốn.

### Những sản phẩm dịch vụ chính

#### Tư vấn cổ phần hóa và niêm yết

- Chuyển đổi mô hình hoạt động và mở rộng cơ hội huy động vốn
- Sản phẩm bản lẻ, làm nên thương hiệu BSC với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp thuộc các loại hình hoạt động khác nhằm thay đổi cơ bản cấu trúc sở hữu để huy động vốn, thay đổi toàn diện phương thức quản lý và điều hành doanh nghiệp theo những hướng đi mới.

#### Tư vấn tái cấu trúc

- Tăng hiệu quả hoạt động

- Dịch vụ tư vấn xây dựng và hỗ trợ triển khai hệ thống các giải pháp và phương án nhằm giúp khách hàng doanh nghiệp chuyển đổi sang trạng thái tối ưu hơn và bảo đảm nguồn vốn được thu xếp là phù hợp nhất, với chi phí giá vốn tối ưu trong bối cảnh thị trường cũng như thực trạng của doanh nghiệp.

#### **Tư vấn thu xếp vốn**

- Kết nối doanh nghiệp với nguồn vốn phù hợp
- Một trong các dịch vụ cốt lõi, được BSC triển khai dưới nhiều công cụ huy động vốn đa dạng, linh hoạt. Mỗi công cụ là một tổ hợp các điều kiện, điều khoản thương mại quyết định cấu trúc giao dịch và chương trình hành động nhằm thực hiện thành công quá trình thu xếp vốn cho khách hàng.

#### **Tư vấn M&A**

- Kết nối bên mua và bên bán tạo động lực phát triển
- Tổ hợp các quá trình và phương án tư vấn toàn diện với vị trí tư vấn cho Doanh nghiệp bên bán hoặc nhà đầu tư bên mua. Tư vấn sáp nhập thực hiện tìm kiếm các cơ hội hợp tác chiến lược với các đối tác trong cùng ngành nghề. Tư vấn Mua bán thực hiện thu xếp vốn cổ phần có khối lượng chi phối để đối tác thực hiện mua lại và thay đổi chủ sở hữu chi phối doanh nghiệp.

#### Những thương vụ nổi bật

Một số giao dịch tiêu biểu trên thị trường chứng khoán nợ:

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| <p>1.500 tỷ đồng</p> <p>Becamex IDC Corporation</p>  <p>2021</p> | <p>1.550 tỷ đồng</p> <p>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova</p>  <p>2021</p> | <p>650 tỷ đồng</p> <p>Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land</p>  <p>2021</p>           | <p>500 tỷ đồng</p> <p>Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương</p>  <p>2021</p> | <p>450 tỷ đồng</p> <p>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Giao thông</p>  <p>2021</p> | <p>4.000 tỷ đồng</p> <p>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</p>  <p>2018</p> |
| <p>600 tỷ đồng</p> <p>Lilama</p>  <p>2016</p>                    | <p>600 tỷ đồng</p> <p>Ha Do Group</p>  <p>2015</p>                                   | <p>8.000 tỷ đồng</p> <p>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</p>  <p>2014</p> | <p>2.500 tỷ đồng</p> <p>Hà Chí Minh City</p>  <p>2014</p>                              | <p>3.000 tỷ đồng</p> <p>VINACOMIN</p>  <p>2014</p>   | <p>3.000 tỷ đồng</p> <p>Masan Group</p>  <p>2014</p>                             |
| <p>2.000 tỷ đồng</p> <p>HFIC</p> <p>2020</p>  | <p>500 tỷ đồng</p> <p>ITC BECAMEX IDC</p> <p>2021</p>   | <p>300 tỷ đồng</p> <p>INFRACOM</p> <p>2021</p>  | <p>250 tỷ đồng</p> <p>NOVA LAND</p> <p>2021</p>   | <p>300 tỷ đồng</p> <p>HUNG THINH LAND</p> <p>2021</p>   |   |

Một số giao dịch tiêu biểu trên thị trường chứng khoán vốn:

|  |  |  |   |   |  |
|--|--|--|---|---|--|
| <p>104 tỷ đồng</p> <p>Phát hành niêm yết</p>  <p>2013</p>               | <p>215 tỷ đồng</p> <p>Phát hành</p>  <p>2014</p>  | <p>150 tỷ đồng</p> <p>Phát hành để hoán đổi cổ phiếu</p>  <p>2014</p> | <p>1093 tỷ đồng</p> <p>Phát hành</p>  <p>2014</p>           | <p>1216 tỷ đồng</p> <p>Phát hành</p>  <p>2014</p>  | <p>2564 tỷ đồng</p> <p>Phát hành cho cổ đông chiến lược</p>  <p>2014-2015</p> |
| <p>130 tỷ đồng</p> <p>Phát hành cho cổ đông chiến lược</p>  <p>2015</p> | <p>1116 tỷ đồng</p> <p>Phát hành</p>  <p>2015</p> | <p>400 tỷ đồng</p> <p>Tư vấn M&amp;A</p>  <p>2016</p>                 | <p>4200 tỷ đồng</p> <p>Chào bán chiến lược</p>  <p>2016</p> | <p>13000 tỷ đồng</p> <p>Phát hành</p>  <p>2017</p> | <p>2000 tỷ đồng</p> <p>Phát hành</p>  <p>2017</p>                             |

th

**2.2. Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại**

Tại thời điểm hiện tại, BSC không có các tranh chấp/kiện tụng đối với các tổ chức, cá nhân có ảnh hưởng đến quyền lợi của BSC.

**2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh BSC

Đơn vị: Triệu VND

| Chỉ tiêu                              | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản                  | 2.921.020  | 6.004.732  | 7.277.069  |
| Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh | 919.869    | 1.343.790  | 846.980    |
| Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh | 161.548    | 435.555    | 129.391    |
| Lợi nhuận khác                        | (10)       | 25         | 17         |
| Lợi nhuận trước thuế                  | 161.538    | 435.581    | 129.408    |
| Lợi nhuận sau thuế                    | 127.384    | 356.890    | 103.767    |

Nguồn: BCTC BSC

**2.4. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành**

| Stt          | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại chứng quyền | Thời hạn | Ngày đáo hạn | TL CD | Giá thực hiện | Tổng số lượng chào bán | Tình trạng |
|--------------|--|----------------|------------------|----------|--------------|-------|---------------|------------------------|------------|
| <b>Đợt 1</b> |  |                |                  |          |              |       |               |                        |            |
| 1            | Chứng quyền mua MWG/BSC/C/EU/Cash-01     | CMWG1901       | Mua              | 3 tháng  | 09/09/2019   | 4:1   | 88.300 VND    | 1.000.000              | Đã đáo hạn |
| <b>Đợt 2</b> |  |                |                  |          |              |       |               |                        |            |
| 2            | Chứng quyền FPT/BSC/C/6M/EU/Cash/2020-01 | CFPT2013       | Mua              | 6 tháng  | 08/04/2021   | 2:1   | 52.000 VND    | 1.500.000              | Đã đáo hạn |
| 3            | Chứng quyền HPG/BSC/C/6M/EU/Cash/2020-01 | CHPG2024       | Mua              | 6 tháng  | 08/04/2021   | 2:1   | 27.500 VND    | 2.000.000              | Đã đáo hạn |

|              |   |          |     |            |            |              |                  |           |                      |
|--------------|---|----------|-----|------------|------------|--------------|------------------|-----------|----------------------|
| 4            | Chứng quyền<br>MWG/BSC/C/3M/EU/<br>Cash/2020-01 | CMWG2014 | Mua | 3<br>tháng | 08/01/2021 | 3,94<br>46:1 | 105.519,4<br>VNĐ | 1.500.000 | Đã đáo<br>hạn        |
| <b>Đợt 3</b> |   |          |     |            |            |              |                  |           |                      |
| 5            | Chứng quyền<br>FPT/BSC/C/9M/EU/Ca<br>sh/2021-01 | CFPT2108 | Mua | 9<br>tháng | 06/07/2022 | 6:1          | 106.835<br>VNĐ   | 1.500.000 | Đã đáo<br>hạn        |
| 6            | Chứng quyền<br>HPG/BSC/C/9M/EU/C<br>ash/2021-01 | CHPG2116 | Mua | 9<br>tháng | 06/07/2022 | 4:1          | 61.410<br>VNĐ    | 2.500.000 | Đã đáo<br>hạn        |
| 7            | Chứng quyền<br>TCB/BSC/C/6M/EU/C<br>ash/2021-01 | CTCB2111 | Mua | 6<br>tháng | 06/04/2022 | 4:1          | 56.350<br>VNĐ    | 2.500.000 | Đã đáo<br>hạn        |
| 8            | Chứng quyền<br>VPB/BSC/C/6M/EU/C<br>ash/2021-01 | CVPB2111 | Mua | 6<br>tháng | 06/04/2022 | 2,22<br>22:1 | 40.825<br>VNĐ    | 1.500.000 | Đã đáo<br>hạn        |
| <b>Đợt 4</b> |   |          |     |            |            |              |                  |           |                      |
| 9            | Chứng quyền<br>MSN/BSC/C/7M/EU/C<br>ash/2022-01 | CMSN2207 | Mua | 7<br>tháng | 09/01/2023 | 9,92<br>69:1 | 128.058          | 1.500.000 | Đang<br>giao<br>dịch |
| 10           | Chứng quyền<br>MWG/BSC/C/7M/EU/<br>Cash/2022-01 | CMWG2206 | Mua | 7<br>tháng | 09/01/2023 | 4,97<br>11:1 | 88.060           | 1.800.000 | Đang<br>giao<br>dịch |
| 11           | Chứng quyền<br>NVL/BSC/C/7M/EU/C<br>ash/2022-01 | CNVL2207 | Mua | 7<br>tháng | 09/01/2023 | 10:1         | 84.000           | 1.500.000 | Đang<br>giao<br>dịch |
| 12           | Chứng quyền<br>PNJ/BSC/C/7M/EU/Ca<br>sh/2022-01 | CPNJ2204 | Mua | 7<br>tháng | 09/01/2023 | 9,87<br>15:1 | 141.160          | 2.500.000 | Đang<br>giao<br>dịch |
| 13           | Chứng quyền<br>STB/BSC/C/7M/EU/C<br>ash/2022-01 | CSTB2214 | Mua | 7<br>tháng | 09/01/2023 | 2:1          | 23.000           | 2.000.000 | Đang<br>giao<br>dịch |



### 3. Tình hình tài chính

#### 3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 6 tháng. Tính đến thời điểm 30/09/2022, Công ty không có các khoản vay dài hạn. Số dư các khoản vay ngắn hạn của công ty như sau:

Bảng 7: Dư nợ ngắn hạn

Đơn vị: VND

| Khoản mục               | 31/12/2020               | 31/12/2021               | 30/09/2022               |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn            | 517.665.631.507          | 2.512.392.773.098        | 2.161.422.388.818        |
| Nợ ngắn hạn khác        | 912.902.155.925          | 1.773.082.578.248        | 757.799.298.217          |
| <b>Tổng nợ ngắn hạn</b> | <b>1.430.567.787.432</b> | <b>4.285.475.351.346</b> | <b>2.919.221.687.035</b> |

Nguồn: BCTC BSC

#### 3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/09/2022 như sau:

Bảng 8: Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước

Đơn vị: VND

| Khoản mục                   | 31/12/2020     | 31/12/2021     | 30/09/2022     |
|-----------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Thuế giá trị gia tăng       | 246.186.381    | 488.857.086    | 14.361.545     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 21.153.259.680 | 15.376.744.606 | 6.994.846.318  |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 892.482.311    | 7.403.739.832  | 1.647.205.336  |
| Các loại thuế phải trả khác | 10.948.720.645 | 27.865.632.907 | 16.849.570.838 |

Nguồn: BCTC BSC

**3.3. Tổng dư nợ vay**

Dưới đây là số dư các khoản nợ ngắn hạn, dài hạn tại ngày 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/09/2022:

Bảng 9: Dư nợ ngắn và dài hạn

Đơn vị: VND

| Khoản mục         | 31/12/2020               | 31/12/2021               | 30/09/2022               |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nợ ngắn hạn       | 1.430.567.787.432        | 4.285.475.351.346        | 2.919.221.687.035        |
| Nợ dài hạn        | 0                        | 0                        | 0                        |
| <b>Tổng dư nợ</b> | <b>1.430.567.787.432</b> | <b>4.285.475.351.346</b> | <b>2.919.221.687.035</b> |

Nguồn: BCTC BSC

Nợ quá hạn: Không có

Dư nợ bảo lãnh : Không có

**3.4. Tình hình công nợ hiện nay**

**3.4.1 Các khoản phải thu**

Bảng 10: Các khoản phải thu

Đơn vị: VND

| Khoản mục   | 31/12/2020            | 31/12/2021            | 30/09/2022             |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính                   | 13.641.955.000        | 132.966.000           | 61.472.569.000         |
| 2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 24.205.177.504        | 23.847.516.896        | 33.745.841.818         |
| 3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                             | 8.208.681.479         | 6.674.575.214         | 2.339.478.857          |
| 4. Trả trước cho người bán  | 994.201.000           | 3.290.071.646         | 5.526.670.722          |
| 5. Phải thu khác  | 91.257.614            | 28.303.474.452        | 10.449.660.300         |
| 6. Dự phòng phải thu khó đòi                                      |                       |                       |                        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>37.847.132.504</b> | <b>62.248.604.208</b> | <b>113.534.220.697</b> |

Nguồn: BCTC BSC

**3.4.2 Các khoản phải trả**

**Bảng 11: Các khoản phải trả**

Đơn vị: VND

|  | 31/12/2020      | 31/12/2021        | 30/09/2022        |
|--|-----------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn                               | 517.665.631.507 | 2.512.392.773.098 | 2.161.422.388.818 |
| Trái phiếu phát hành ngắn hạn              | 300.000.000.000 | 1.127.840.000.000 | 439.840.000.000   |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 366.203.378.128 | 103.346.226.339   |                   |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 171.568.650.737 | 417.367.760.102   | 107.956.586.003   |
| Phải trả người bán                         | 1.107.688.179   | 1.313.841.270     | 1.270.392.466     |
| Người mua trả tiền trước                   | 1.294.990.940   | 1.540.367.585     | 853.156.477       |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước        | 33.240.649.017  | 51.134.974.431    | 25.505.984.037    |
| Phải trả khác                              | 39.486.798.924  | 70.539.408.521    | 182.373.179.234   |

Nguồn: BCTC BSC

### 3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của BSC**

Đơn vị: VND

| Các chỉ tiêu  | Năm 2020          | Năm 2021          | Quý III Năm 2022  |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính  |                   |                   |                   |
| - Giá trị vốn khả dụng (VNĐ):   | 1.130.333.345.429 | 1.517.036.911.560 | 4.235.083.997.516 |
| - Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (VNĐ) | 240.628.853.470   | 354.272.174.993   | 414.816.187.575   |
| - Tỷ lệ vốn khả dụng:   | 470%              | 428%              | 1021%             |
| 2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán  |                   |                   |                   |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn:  | 2                 | 1,4               | 2,45              |
| - Hệ số thanh toán nhanh:   | 0,07              | 0,14              | 1,01              |
| 3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn   |                   |                   |                   |

|   |       |       |      |
|---|-------|-------|------|
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | 0,49  | 0,71  | 0,4  |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu   | 0,96  | 2,49  | 0,67 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                                  |       |       |      |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/<br>Doanh thu hoạt động                  | 0,14  | 0,27  | 0,12 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/<br>Vốn chủ sở hữu                       | 0,09  | 0,21  | 0,02 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/<br>Tổng tài sản                         | 0,04  | 0,06  | 0,01 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động<br>kinh doanh/Doanh thu hoạt<br>động | 0,18  | 0,32  | 0,15 |
| Thu nhập trên cổ phần (VNĐ)                                       | 1.047 | 2.936 | 850  |

Nguồn: BCTC BSC

## VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Thông tin chung về chứng quyền

|  |   |
|--|---|
| <b>Tên chứng quyền</b>                           | : Chứng quyền VPB/BSC/C/9M/EU/Cash/2022-01  |
| <b>Tên (mã) chứng khoán cơ sở</b>                | : VPB   |
| <b>Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở</b>       | : Ngân hàng Cổ phần Thương mại Việt Nam Thịnh Vượng   |
| <b>Loại chứng quyền</b>                          | : Chứng quyền mua   |
| <b>Kiểu thực hiện</b>                            | : Thực hiện kiểu Châu Âu  |
| <b>Phương thức thực hiện chứng quyền</b>         | : Thực hiện bằng tiền   |
| <b>Thời hạn</b>                                  | : 9 tháng   |
| <b>Ngày đáo hạn</b>                              | : Dự kiến trong tháng 08/2023   |
| <b>Tỷ lệ chuyển đổi</b>                          | : 4:1 (4 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở)   |
| <b>Hệ số nhân</b>                                | : Không có  |
| <b>Giá thực hiện</b>                             | : Thấp hơn 10% đến cao hơn 15% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền |
| <b>Tài sản bảo đảm thanh toán</b>                | : 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán  |
| <b>Tổng số chứng quyền dự kiến chào bán</b>      | : 2.000.000 chứng quyền   |
| <b>Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán</b> | : 2.000.000.000 – 8.000.000.000 VND   |
| <b>Giá chào bán</b>                              | : 1.000 – 4.000 VND   |

**Phương pháp tính giá chào bán :**

*Công thức Black Scholes:*

Giá lý thuyết của chứng quyền mua:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)K e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: giá lý thuyết của chứng quyền mua;

$N(d_1)$ ,  $N(d_2)$ : Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: giá thực hiện của chứng quyền (bằng giá tham chiếu của tài sản cơ sở tại ngày phát hành)

S: giá chứng khoán cơ sở (giá tham chiếu của tài sản cơ sở ngày phát hành)

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm

$r_c$ : lãi suất phi rủi ro: 3%

$\sigma$ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở tính theo năm: 55%-80% k: tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền: 4:1. Tỷ lệ chuyển đổi được áp dụng khi thực hiện quyền tại thời điểm đáo hạn. Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền tổ chức phát hành phải trả cho người nắm giữ chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, cụ thể:

Số tiền thanh toán = [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi].

**Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black-Scholes**

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

$Delta_{CALL}$ : giá trị delta của chứng quyền mua.;

$N(d_1)$ : xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với  $d_1$  được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

## 2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Chứng khoán cơ sở là cổ phiếu VPB với mức vốn hóa 107.075 tỷ đồng. Độ biến động giá trong năm ở mức 34%. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành là 6.713.204.001 cổ phiếu. Khối lượng giao dịch khớp lệnh trung bình 10 phiên là 15.521.360 cổ phiếu.

th

Trong vòng 1 năm gần nhất, cổ phiếu VPB được giao dịch với mức giá cao nhất 27.370 VND và giá thấp nhất 14.300 VND. Dưới đây là 1 số thông tin cơ bản của chứng khoán cơ sở:

- Tên công ty: Ngân hàng Cổ phần Thương mại Việt Nam Thịnh Vượng
- Lĩnh vực hoạt động: Tài chính ngân hàng
- Thông tin tài chính:

**Bảng 13: Thông tin tài chính cơ bản về chứng khoán cơ sở**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chi tiêu                                     | Năm 2020    | Năm 2021    |
|--|-------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản                         | 419.026.527 | 547.409.439 |
| Vốn chủ sở hữu                               | 52.793.502  | 86.278.147  |
| Thu nhập lãi thuần                           | 32.345.823  | 34.348.829  |
| Nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam  | 14.220      | 8.454.375   |
| Lợi nhuận trước thuế                         | 13.019.455  | 14.363.770  |
| Lợi nhuận sau thuế                           | 10.413.760  | 11.477.170  |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | 22%         | 17%         |

*Nguồn: BCTC của chứng khoán cơ sở*

**Bảng 14: Chỉ số tài chính của chứng khoán cơ sở**

| Các chỉ tiêu   | Năm 2020 | Năm 2021 |
|--|----------|----------|
| <b>1, Chỉ tiêu về rủi ro tín dụng</b>                |          |          |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/ Cho vay khách hàng | 5,34%    | 5,95%    |
| <b>2, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>              |          |          |
| Biên lãi suất ròng                                   | 8,72%    | 7,70%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần             | 27%      | 26%      |

|   |       |       |
|---|-------|-------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 22%   | 17%   |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 2,62% | 2,38% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 71%   | 76%   |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VND)                       | 4.116 | 2.601 |

Nguồn : BSC tổng hợp

### 3. Thời gian phân phối chứng quyền

Chứng quyền sẽ được phân phối ngay sau khi

- BSC được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền
- BSC hoàn thành ký quỹ ban đầu theo đợt phát hành
- BSC hoàn thành công bố thông tin và bản cáo bạch

Thời gian phân phối chứng quyền tối đa là 15 ngày làm việc,

**Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán:**

Kết thúc đợt phân phối, trường hợp số chứng quyền chào bán ít hơn tổng số lượng đăng ký mua chứng quyền trong cả đợt chào bán, thì số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ xác định như sau:

$$\text{Số Chứng Quyền Nhà Đầu Tư được mua} = \frac{\text{Số Chứng Quyền chào bán} \times \text{Số Chứng Quyền từng Nhà Đầu Tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số Chứng Quyền các Nhà Đầu Tư đăng ký mua}}$$

Số lượng chứng quyền tính theo công thức trên sẽ được làm tròn xuống đến 100 chứng quyền cho từng nhà đầu tư, theo nguyên tắc tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá số lượng chứng quyền chào bán.

### 4. Đăng ký mua chứng quyền

Các nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền theo đợt phát hành với BSC. Quy trình đăng ký mua chứng quyền tương tự như quy trình mua chứng khoán cơ sở trong các đợt IPO và phát hành bổ sung. Các nhà đầu tư chuyển khoản số tiền tương ứng với số lượng chứng quyền đăng ký mua vào tài khoản của BSC theo thông tin như sau:



Tên tài khoản: Công ty cổ phần chứng khoán  
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 123,10,000,163,777

Ngân hàng: BIDV Chi nhánh Quang Trung

Tên tài khoản: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân  
hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam CN TPHCM

Số tài khoản: 119,10,000,051,400

Ngân hàng: BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

## 5. Thực hiện chứng quyền

**Quy trình thực hiện:** Theo quy trình thanh toán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán quy định và quy định của pháp luật hiện hành.

### Cách tính số tiền thanh toán:

Việc thanh toán lãi lỗ chứng quyền tại ngày đáo hạn sẽ được thực hiện bằng tiền, cụ thể như sau:

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện,

Số tiền thanh toán = [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi], Trong đó:

Giá thanh toán = Giá đóng cửa trung bình của chứng khoán cơ sở 5 ngày làm việc liên tục trước ngày đáo hạn chứng quyền,

Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn,

### Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán,

Trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, công ty bảo đảm sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm như sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro cho Chứng quyền trên tài khoản tự doanh. Cụ thể: chứng khoán phòng ngừa rủi ro trong tài khoản tự doanh sẽ được bán trên thị trường, thu về tiền mặt để thanh toán nghĩa vụ cho các nhà đầu tư,
- Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm sẽ được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ cho các nhà đầu tư. Số tiền bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng ký quỹ là tiền mặt, có giá trị bằng 50% tổng giá trị của đợt phát hành.

Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp.

Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

## **6. Quyền của người sở hữu chứng quyền**

Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư:

- Tổ chức phát hành sẽ thực hiện mua lại các chứng quyền đang lưu hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường, trong khoảng thời gian từ khi có Quyết định hủy niêm yết chứng quyền đến ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực, đối với các chứng quyền còn lưu hành, tổ chức phát hành phối hợp với Trung tâm Lưu ký thanh toán tiền cho các nhà đầu tư đang sở hữu chứng quyền, Giá thanh toán được tính theo công thức trung bình giá đóng cửa của CKCS 5 phiên giao dịch trước ngày đáo hạn.

## **7. Điều chỉnh chứng quyền**

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới.

Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ × (Giá tham chiếu điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

### **8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền**

Phần trình bày về thuế trong Mục này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản cáo bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản cáo bạch. Những nội dung trình bày về thuế trong Mục này có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo Công văn số 1468/BTC-CST ngày 7/2/2018 của Bộ Tài chính.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ chứng quyền áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế với công ty chứng khoán phát hành chứng quyền là thời điểm phát hành chứng quyền mua, thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm thực hiện quyền.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

#### **Thuế đối với tổ chức nước ngoài**

Với tổ chức nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi thanh toán tiền.

#### **Thuế thu nhập cá nhân**

Về thuế TNCN, số tiền thuế sẽ tính bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân với mức thuế suất 0,1%. Cách tính này áp dụng cho cả hai trường hợp: Trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền; trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết.

Đối với nhà đầu tư, thời điểm xác định thu nhập tính thuế là khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN trước khi thanh toán tiền.

### **9. Hoạt động tạo lập thị trường**

Nhằm bảo đảm thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

#### **Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường**

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%, Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất,

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền,
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn,
- Giá đặt lệnh phải bảo đảm không vượt tỷ lệ chênh lệch giá (5%),
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán),
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút,

#### **Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường**

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;

- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,..
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

## **VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

### **1. Quy trình quản trị rủi ro**

BSC thực hiện quản trị rủi ro theo Chính sách quản trị rủi ro được HĐQT Công ty phê duyệt.

Việc quản trị rủi ro nghiệp vụ chứng quyền được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Trước khi phát hành: phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm được đánh giá trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban, Sở giao dịch và bộ tiêu chí an toàn nội bộ của BSC.
- Trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, BSC thực hiện quản trị rủi ro nghiệp vụ thông qua kiểm soát các chỉ tiêu về chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và thực tế, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...

Rủi ro liên quan đến chứng quyền có bảo đảm được kiểm soát hàng ngày và được báo cáo lên Ban Lãnh đạo, thông báo tới các phòng kinh doanh khi vượt hạn mức rủi ro quy định theo từng thời kỳ.

## 2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

### 2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

### 2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

#### Mục đích phòng ngừa rủi ro:

Để tổng chi phí phòng ngừa rủi ro trong suốt thời gian từ khi phát hành chứng quyền đến khi đáo hạn chứng quyền không được quá chênh lệch với khoản phí chứng quyền hợp lý.

#### Chi phí phòng ngừa rủi ro bao gồm:

- Chi phí mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro: Chi phí này là khoản lỗ tiềm năng khi tổ chức phát hành thực hiện việc mua/bán chứng khoán cơ sở hàng ngày để phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành. Khoản chi phí này luôn phát sinh bất kể việc chứng quyền có được nhà đầu tư thực hiện hay không;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí giao dịch khi mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở.

#### Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

Việc mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro dựa vào hệ số delta trong mô hình Black-Scholes, cụ thể:

$$\text{Delta} = N(d1)$$

Trong đó:

Delta: giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$ : xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với  $d_1$  được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số của  $d_1$  được quy định tại phần V, mục 1 của Bản cáo bạch

Số lượng chứng khoán cần mua để phòng ngừa rủi ro (lý thuyết):

$Q_{\text{lý thuyết}} = \text{Delta} * \text{số lượng chứng quyền cần phòng ngừa rủi ro/tỷ lệ chuyển đổi}$

Số lượng chứng khoán phòng ngừa rủi ro có thể là chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở được phát hành bởi các tổ chức phát hành khác.

$Q_{\text{thực tế}} = Q_s + Q_{cw} * k$

Trong đó:

$Q_{\text{thực tế}}$ : Tổng số lượng chứng khoán phòng ngừa rủi ro

$Q_s$ : Số lượng chứng khoán cơ sở

$Q_{cw}$ : Số lượng chứng quyền có cùng tài sản cơ sở của các tổ chức phát hành khác

$k$ : Tỷ lệ chuyển đổi của  $Q_{cw}$ .

Tổ chức phát hành bảo đảm số lượng chứng khoán phòng ngừa rủi ro sao cho:

$(Q_{\text{thực tế}} - Q_{\text{lý thuyết}}) / Q_{\text{lý thuyết}}$  luôn nằm trong khoảng  $[-20\%;20\%]$ .

#### Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

- **Ban điều hành** có trách nhiệm tổ chức triển khai tư vấn, xây dựng chiến lược và chính sách quản trị rủi ro, thực hiện chiến lược và chính sách quản trị rủi ro đã được hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu phê duyệt và ban hành; điều hành hoạt động quản trị rủi ro hàng ngày của tổ chức, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro của mình.
- **Bộ phận Sản phẩm cấu trúc** (thuộc Phòng Tự doanh) là bộ phận trực tiếp phòng ngừa rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền; có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của

UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán; cung cấp thông tin và phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

- **Bộ phận Quản trị rủi ro** (thuộc Phòng Quản trị rủi ro) là bộ phận chịu trách nhiệm giám sát hoạt động, quản trị rủi ro của bộ phận trực tiếp phòng ngừa rủi ro; bảo đảm các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ** có trách nhiệm giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan; và kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình nghiệp vụ tại các phòng/bộ phận trong công ty.

### Phương án phòng ngừa rủi ro tổng quát:

BSC áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, BSC sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của công ty là trung hòa delta ( $\Delta = 0$ ) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.
- Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

### 3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

| Stt          | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại chứng quyền | Thời hạn | Ngày đáo hạn | TL CĐ | Giá thực hiện | Tổng số lượng chào bán | Tình trạng |
|--------------|--|----------------|------------------|----------|--------------|-------|---------------|------------------------|------------|
| <b>Đợt 1</b> |  |                |                  |          |              |       |               |                        |            |
| 1            | Chứng quyền mua MWG/BSC/C/EU/Cash-01     | CMWG1901       | Mua              | 3 tháng  | 09/09/2019   | 4:1   | 88.300 VNĐ    | 1.000.000              | Đã đáo hạn |
| <b>Đợt 2</b> |  |                |                  |          |              |       |               |                        |            |
| 2            | Chứng quyền FPT/BSC/C/6M/EU/Cash/2020-01 | CFPT2013       | Mua              | 6 tháng  | 08/04/2021   | 2:1   | 52.000 VNĐ    | 1.500.000              | Đã đáo hạn |
| 3            | Chứng quyền HPG/BSC/C/6M/EU/Cash/2020-01 | CHPG2024       | Mua              | 6 tháng  | 08/04/2021   | 2:1   | 27.500 VNĐ    | 2.000.000              | Đã đáo hạn |
| 4            | Chứng quyền MWG/BSC/C/3M/EU/             | CMWG2014       | Mua              | 3        | 08/01/2021   | 3,94  | 105.519,4     | 1.500.000              | Đã đáo     |



|              |   |          |     |         |            |              |             |           |                |
|--------------|---|----------|-----|---------|------------|--------------|-------------|-----------|----------------|
|              | Cash/2020-01                                |          |     | tháng   |            | 46:1         | VND         |           | hạn            |
| <b>Đợt 3</b> |   |          |     |         |            |              |             |           |                |
| 5            | Chứng quyền<br>FPT/BSC/C/9M/EU/Cash/2021-01 | CFPT2108 | Mua | 9 tháng | 06/07/2022 | 6:1          | 106.835 VND | 1.500.000 | Đã đáo hạn     |
| 6            | Chứng quyền<br>HPG/BSC/C/9M/EU/Cash/2021-01 | CHPG2116 | Mua | 9 tháng | 06/07/2022 | 4:1          | 61.410 VND  | 2.500.000 | Đã đáo hạn     |
| 7            | Chứng quyền<br>TCB/BSC/C/6M/EU/Cash/2021-01 | CTCB2111 | Mua | 6 tháng | 06/04/2022 | 4:1          | 56.350 VND  | 2.500.000 | Đã đáo hạn     |
| 8            | Chứng quyền<br>VPB/BSC/C/6M/EU/Cash/2021-01 | CVPB2111 | Mua | 6 tháng | 06/04/2022 | 2,22<br>22:1 | 40.825 VND  | 1.500.000 | Đã đáo hạn     |
| <b>Đợt 4</b> |   |          |     |         |            |              |             |           |                |
| 9            | Chứng quyền<br>MSN/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01 | CMSN2207 | Mua | 7 tháng | 09/01/2023 | 9,92<br>69:1 | 128.058     | 1.500.000 | Đang giao dịch |
| 10           | Chứng quyền<br>MWG/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01 | CMWG2206 | Mua | 7 tháng | 09/01/2023 | 4,97<br>11:1 | 88.060      | 1.800.000 | Đang giao dịch |
| 11           | Chứng quyền<br>NVL/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01 | CNVL2207 | Mua | 7 tháng | 09/01/2023 | 10:1         | 84.000      | 1.500.000 | Đang giao dịch |
| 12           | Chứng quyền<br>PNJ/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01 | CPNJ2204 | Mua | 7 tháng | 09/01/2023 | 9,87<br>15:1 | 141.160     | 2.500.000 | Đang giao dịch |
| 13           | Chứng quyền<br>STB/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01 | CSTB2214 | Mua | 7 tháng | 09/01/2023 | 2:1          | 23.000      | 2.000.000 | Đang giao dịch |

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Tổ chức kiểm toán

#### CÔNG TY TNHH PwC VIỆT NAM

Trụ sở chính : Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (+84 28) 3823 0796

### 2. Ngân hàng lưu ký

#### NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.3942 0402

Fax: 024.3941 6431

## IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi cam kết đảm bảo quyền lợi của người sở hữu chứng quyền và thực hiện các biện pháp đảm bảo thanh toán theo nội dung bản cáo bạch này.

Chúng tôi cam kết Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở- Ngân hàng VPB không phải người có liên quan của BSC đáp ứng theo quy định tại Điều 3, Khoản 3 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Chúng tôi cam kết Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam không phải là người có liên quan của BSC đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/HQ14 ngày 26/11/2019.

Chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Ngoài ra, chúng tôi không có các mối quan hệ khác với các bên cung cấp dịch vụ mà có khả năng gây ra xung đột lợi ích với việc phát hành chứng quyền. Các bên này bao gồm các bên tư vấn, kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn.

**X. CAM KẾT**

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này

Hà Nội, ngày 1 tháng 11 năm 2022

**NGÂN HÀNG LƯU KÝ**



*Nguyễn Anh Tuấn*

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Duy Viễn*

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày... tháng... năm 200...

**CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Số: **IBS-BSC**



**TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

*Xuân Quang Toàn*